

Số: 2409 /QĐ-UBND

Sơn La, ngày 05 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch và kinh phí ngân sách nhà nước năm 2021 và Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm (2021 - 2023) từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;
Căn cứ Công văn số 2361/BTNMT-KHTC ngày 04/5/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 và kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm 2021-2023 từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường;
Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 832/TTr-STNMT ngày 26/10/2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch và kinh phí ngân sách nhà nước năm 2021 và Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm (2021-2023) từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La (có Kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh uỷ; TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT - Biên 20bản

(Báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾ HOẠCH VÀ KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021;
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 NĂM 2021 - 2023
TỪ NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH SƠN LA**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 05/11/2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)*

Thực hiện Công văn số 2361/BTNMT-KHTC ngày 04/5/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2021 - 2023 từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, UBND tỉnh Sơn La ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG NĂM 2020, GIAI ĐOẠN 3 NĂM 2018 - 2020

I. Đánh giá công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La năm 2020 và giai đoạn 3 năm 2018 - 2020

1. Đánh giá thực trạng công tác quản lý môi trường

Việc thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường được quan tâm chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện và đạt được nhiều kết quả tích cực, cụ thể: Công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường được quan tâm thực hiện đã góp phần nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và cộng đồng dân cư; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ từng bước nâng cao ý thức tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường như: Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, lập hồ sơ đề nghị kiểm tra xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường; chất lượng môi trường khu vực đô thị, vùng nông thôn và khu dân cư tập trung đã từng bước được cải thiện.

Thực hiện lồng ghép công tác bảo vệ môi trường với chiến lược, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản cụ thể hóa chỉ đạo của Trung ương, cụ thể như: Kế hoạch thực hiện việc quản lý, thu gom, tiêu hủy bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh Sơn La; Kế hoạch thực hiện đề án quản lý, thu gom, tiêu hủy bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 1932/QĐ-UBND ngày 07/8/2018 ban hành hướng dẫn thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Sơn La; Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường do thiên tai, bão lũ; Công văn số 1539/UBND-KT ngày 14/5/2019 về việc tăng cường công tác quản lý môi trường đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, sơ chế, chế biến nông sản

năm 2019; Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 ban hành lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030; Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2020-2021; Kế hoạch 198-KH/TU ngày 17/3/2020 của Tỉnh ủy Sơn La thực hiện Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản chỉ đạo trên các lĩnh vực nhằm triển khai Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đa dạng sinh học; tăng cường công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường; công tác thu gom, xử lý rác thải khu vực nông thôn; tuyên truyền bảo vệ môi trường; công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường; công tác phối hợp trong công tác bảo vệ môi trường giữa các ngành trong tỉnh và bảo vệ môi trường lưu vực sông liên tỉnh; công tác quan trắc môi trường, báo cáo môi trường hàng năm; đẩy nhanh tiến độ xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; xử lý, khắc phục các điểm nóng về ô nhiễm môi trường; tổ chức sắp xếp bộ máy quản lý nhà nước về môi trường,...

2. Đánh giá tình hình triển khai Chỉ thị của Thủ tướng, Nghị quyết của Chính phủ

2.1. Đánh giá tình hình triển khai Chỉ thị 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ cấp bách về bảo vệ môi trường

Thực hiện Thông báo số 560-TB/TU ngày 07/11/2016 của Ban thường vụ tỉnh ủy Kết luận về việc thực hiện Kết luận số 02-KL/TW, Chỉ thị số 25/CT-TTg và Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 31/12/2016 của UBND tỉnh triển khai Kết luận số 02-KL/TW và Chỉ thị số 25/CT-TTg trên địa bàn tỉnh Sơn La, trong thời gian vừa qua UBND tỉnh Sơn La đã triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ và đạt được một số kết quả cụ thể:

- Công tác bảo vệ môi trường được chú trọng ngay từ giai đoạn lập dự án đầu tư cũng như xem xét, lựa chọn và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường các dự án nhằm ngăn chặn, kiểm soát chặt chẽ các dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao; các dự án đầu tư có yếu tố công nghệ phải thực hiện thẩm định công nghệ, đăng ký chuyển giao công nghệ, rà soát kiên quyết không cho phép sử dụng công nghệ trong danh mục cấm chuyển giao theo quy định của Luật Khoa học Công nghệ, Luật chuyển giao công nghệ; thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng ngừa như xem xét thẩm định về môi trường các dự án đầu tư kết hợp với công tác thanh kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính.

- Về bảo vệ các nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2415/QĐ-UBND ngày 02/10/2018 phê duyệt dự án lập phương án cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước sinh hoạt đối với nhà máy nước số 1, số 2 thành phố Sơn La (nguồn nước Hang Thảm Tát Tông, suối Nậm La) và nhà máy cấp nước Mai Sơn (nguồn nước suối Nậm Pàn). Hiện nay đang triển khai cấm mốc, bàn giao mốc giới và quản lý bảo vệ theo quy định. *A*

- Nhiệm vụ ban hành các quy chuẩn kỹ thuật môi trường của địa phương: Hiện nay tỉnh Sơn La đang áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia. Trong thời gian tới UBND tỉnh Sơn La sẽ tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành có liên quan tiếp tục nghiên cứu, xây dựng tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường tỉnh Sơn La.

- Nhiệm vụ rà soát báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, các công trình biện pháp bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư: UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn. Công tác thanh tra, kiểm tra tập trung vào các nội dung như: việc chấp hành các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải, hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, đăng ký hồ sơ chủ nguồn thải, hồ sơ cấp phép xả nước thải vào nguồn nước, chế độ báo cáo quan trắc môi trường định kỳ hàng năm,... Đặc biệt yêu cầu kiểm tra, giám sát chặt chẽ đối với các cơ sở có lượng chất thải lớn, các cơ sở nằm ở khu vực đầu nguồn nước, các cơ sở khai thác khoáng sản.

- Về yêu cầu tất cả các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung; buộc đối tượng có quy mô xả thải lớn lắp đặt các thiết bị kiểm soát, giám sát tự động hoạt động xả thải theo quy định của pháp luật và truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường: UBND tỉnh Sơn La đã ban hành Công văn số 3252/UBND-KT ngày 27/7/2020 yêu cầu các cơ sở tiến hành lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục, có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường. Hiện nay trên địa bàn tỉnh Sơn La có 08 cơ sở phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, cụ thể: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Sơn La - Hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu Công nghiệp Mai Sơn; Công ty cổ phần chế biến nông sản BHL Sơn La (*Nhà máy chế biến tinh bột sắn*); Chi nhánh Công ty cổ phần tinh bột sắn Phú Yên Sơn La (*Nhà máy chế biến tinh bột sắn*); Công ty Cổ phần cao su Sơn La (*Nhà máy chế biến cao su Sơn La 28 - 10*); Công ty Cổ phần chế biến tinh bột sắn Thuận Châu (*Nhà máy chế biến tinh bột sắn*). Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Mộc Châu (*Trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 1.500 m³/ngày đêm thị trấn Mộc Châu và Trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 3.000 m³/ngày đêm thị trấn nông trường Mộc Châu*); Ban Quản lý các dự án ODA tỉnh Sơn La (*Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt thành phố Sơn La*); Công ty Thủy điện Sơn La (*Trạm xử lý nước dẫn dầu của Nhà máy thủy điện Sơn La*). Tính tới thời điểm hiện tại, Công ty Thủy điện Sơn La đã lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục và đang truyền dữ liệu (*thử nghiệm*) về Sở Tài nguyên và Môi trường. Đối với các cơ sở chưa tiến hành lắp đặt, trong thời gian tới Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc lắp đặt Hệ thống quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục theo quy định.

- Về tập trung xử lý triệt để di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng: Hiện nay trên địa bàn tỉnh đã có 32/32 cơ sở hoàn thành các biện pháp xử lý theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg và Quyết định số 1788/QĐ-TTg của Thủ tướng

Chính phủ, trong đó có: 13 cơ sở không cần thực hiện chứng nhận (02 cơ sở đã dừng hoạt động; 11 cơ sở đã rà soát đưa ra khỏi danh sách do quy mô công suất, lượng xả thải và mức độ ô nhiễm không thuộc đối tượng gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo tiêu chí tại Thông tư số 04/2012/TT-BTNMT ngày 08/5/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường); 15 cơ sở đã được chứng nhận hoàn thành các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; 04 cơ sở mới hoàn thành biện pháp xử lý ô nhiễm, đang nộp hồ sơ đề nghị chứng nhận (Bệnh viện Phong và Da liễu; Bãi rác bản Khoang thành phố Sơn La và Bệnh viện Đa khoa các huyện: Yên Châu, Sông Mã). Tỷ lệ xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đạt 100%.

- Về xử lý chất thải rắn: Trên địa bàn thành phố Sơn La hiện nay đã được đầu tư Khu liên hợp xử lý chất thải rắn sử dụng phương pháp ủ sinh học làm phân Compost với công suất 80 tấn/ngày; phương pháp này thích hợp với loại chất thải rắn hữu cơ trong chất thải sinh hoạt chứa nhiều cacbonhydrat như đường, xenlulo, lignin, mỡ, protein, những chất này có thể phân huỷ đồng thời hoặc từng bước. Đối với rác thải sinh hoạt phát sinh tại địa bàn các huyện được thu gom, vận chuyển về 12 bãi chôn lấp rác thải trên địa bàn các huyện (01 bãi chôn lấp chưa được đưa vào sử dụng là bãi chôn lấp rác thải bản Khoang huyện Quỳnh Nhai); công tác triển khai các điểm chôn lấp, xử lý chất thải rắn đã được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, tạo mọi nguồn lực để thực hiện;

Đánh giá việc thực hiện một số chỉ tiêu về quản lý chất thải rắn: Thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải mới tập trung ở đô thị, thị trấn, mở rộng các xã ven đô thị, thị trấn; chất thải rắn chưa được phân loại tại nguồn; ý thức, trách nhiệm của một bộ phận nhân dân chưa cao, chưa có sự tham gia tích cực của cộng đồng; tiến độ đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp các bãi chôn lấp chất thải rắn đô thị theo tiêu chuẩn bãi chôn lấp hợp vệ sinh còn chậm (hiện nay huyện Mường La chưa có bãi chôn lấp chất thải).

Về tỷ lệ thu gom chất thải rắn: Ở khu vực đô thị đến thời điểm hiện tại đạt 90,5%; khu vực nông thôn đạt 69,5%.

- Về điều tra, đánh giá, khoanh vùng và có kế hoạch xử lý các khu vực ô nhiễm còn tồn lưu trên địa bàn: Theo Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước, tỉnh Sơn La không có cơ sở trong danh mục điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng.

- Về rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, tăng cường năng lực quản lý môi trường, ưu tiên cấp huyện, xã; sử dụng nguồn sự nghiệp môi trường để bố trí cán bộ hợp đồng phụ trách công tác bảo vệ môi trường cấp xã: Toàn ngành tài nguyên và môi trường Sơn La có 463 công chức, viên chức (cấp tỉnh 176, cấp huyện 84, cấp xã 203). Trong đó cán bộ trực tiếp làm công tác bảo vệ môi trường là 223 người.

- Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ môi trường đã được quan tâm chỉ đạo với sự phối hợp của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể, đã nâng cao nhận thức về bảo vệ

môi trường trên địa bàn toàn tỉnh. Hàng năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường. Công tác tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường đã được triển khai đa dạng, dưới nhiều hình thức như: Xây dựng các phóng sự tuyên truyền trên Báo Sơn La, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Đài Truyền thanh - Truyền hình các huyện, thành phố; viết tin bài tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường (*Hội nông dân*), viết tin đăng trên thông báo nội bộ (*Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy*); Tổ chức lễ ký cam kết bảo vệ môi trường... Nội dung tuyên truyền đề cập đến nhiều vấn đề như giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, nguyên nhân, tác hại và cách phòng chống ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; phòng ngừa, bảo vệ nguồn nước sạch, biểu dương các tổ chức, cá nhân tiêu biểu về bảo vệ môi trường... Các tổ chức, đoàn thể đều lồng ghép nội dung về bảo vệ môi trường vào các chương trình hội nghị, hội thảo, sinh hoạt chuyên đề của cơ quan, đơn vị.

2.2. Đánh giá tình hình triển khai Nghị quyết 08/NQ-CP ngày 23/01/2014 của Chính phủ Ban hành chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 03.6.2013 của Ban Chấp hành Trung ương về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

a. Công tác ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện

Thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03.6.2013 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương đảng Khóa XI về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường QLTN và BVMT và các văn bản có liên quan, tỉnh Sơn La đã thực hiện thể chế và ban hành các văn bản triển khai thực hiện: Kế hoạch số 198-KH/TU của Tỉnh ủy Sơn La thực hiện Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Quyết định 701/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 của UBND tỉnh phê duyệt kết quả thực hiện nhiệm vụ “*Xây dựng, cập nhật hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến 2050 tỉnh Sơn La*”; Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 06/4/2020 phê duyệt kết quả thực hiện nhiệm vụ “*Đánh giá khí hậu tỉnh Sơn La*”; Công văn số 2754/UBND-KT ngày 15/08/2019 về việc hỗ trợ hoạt động Đoàn Thanh niên tham gia bảo vệ môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2019-2022.

b. Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể

- Nâng cao nhận thức, kiến thức, hiểu biết về BĐKH, thích nghi, sống chung với BĐKH trong nhân dân: Các hoạt động phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai đã được quan tâm và có chuyển biến tích cực với bối cảnh của BĐKH; đã huy động tốt nguồn lực tại chỗ, tranh thủ sự tham gia đóng góp của các tổ chức, cá nhân, nhân dân trong công tác khắc phục hậu quả thiên tai. Nhận thức của các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân về ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đã có những chuyển biến tích cực, bước đầu đã quan tâm đến BĐKH và các tác động của BĐKH đến đời sống, sản xuất; dần hình thành ý thức bảo vệ tài nguyên, bảo vệ môi trường, khai thác sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các

nguồn tài nguyên. Từ đó chủ động phòng, tránh thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm dần thiệt hại về người, tài sản do thiên tai gây ra.

- Đảm bảo an ninh lương thực thông qua bảo vệ, duy trì hợp lý và quản lý bền vững quỹ đất cho nông nghiệp; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; tạo giống mới thích ứng với BĐKH; hoàn thiện hệ thống kiểm soát, phòng chống dịch bệnh; phân bổ, huy động nguồn lực và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng; nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực thích ứng với BĐKH và quản lý rủi ro thiên tai.

- Tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất ứng dụng công nghệ, quy trình sản xuất tiên tiến, sản phẩm thân thiện với môi trường. Chuyển giao các sản phẩm, nhiệm vụ, chương trình, đề án đã hoàn thành như Đề án khuyến công; Kế hoạch sản xuất sạch hơn, Chương trình tiết kiệm năng lượng để thích ứng với BĐKH, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức nghiên cứu, khảo sát, đánh giá tình hình BĐKH tác động đến hệ thống đô thị, vùng dễ bị tổn thương; rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch vùng, quy hoạch chung các đô thị; nghiên cứu xây dựng các giải pháp về quy hoạch bảo vệ những vùng bị ngập lụt, sạt lở đất; xây dựng hệ thống thoát nước chống ngập, lụt, đồng thời, lồng ghép các nội dung về BĐKH vào các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chuyên ngành; dự án đầu tư các hồ đập, kè suối thuộc các chương trình phòng chống bão lũ, giảm nhẹ thiên tai như: Kè suối Nậm La; công trình thoát lũ xã Tông Cọ, huyện Thuận Châu; Công trình thoát lũ bản Phiêng Hay, phai Kẹ, thành phố Sơn La và các công trình phòng chống bão lũ giảm nhẹ thiên tai khác trên địa bàn tỉnh,... Đồng thời thẩm định, phân bổ nguồn vốn khắc phục hậu quả thiên tai, chống biến đổi khí hậu như nguồn vốn Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp.

- Xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu: Hệ thống trạm khí tượng thủy văn quốc gia trên địa bàn tỉnh gồm 37 trạm quan trắc khí tượng thủy văn và đo mưa do Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Tây Bắc quản lý, tỷ lệ các trạm được tự động hóa 6/10 trạm thủy văn và 100% số trạm đo mưa; Tính đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn tỉnh Sơn La có 42 đập, hồ chứa nước đã đi vào vận hành thuộc đối tượng phải quan trắc và cung cấp thông tin dữ liệu khí tượng thủy văn theo quy định tại Nghị định 48/2020/NĐ-CP ngày 15/4/2020 của Chính phủ. Trong đó, có 15 đập, hồ chứa thủy điện và 27 đập, hồ chứa thủy lợi. Đến nay, có 7 hồ chứa thủy điện (có dung tích từ $3.000.000m^3$ trở lên) đã lắp đặt 21 trạm quan trắc KTTV và thực hiện quan trắc, cung cấp thông tin dữ liệu cho cơ quan dự báo cảnh báo khí tượng thủy văn và cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường cấp tỉnh theo quy định; còn lại 8/15 hồ chứa thủy điện (có dung tích từ $500.000m^3$ đến dưới $3.000.000m^3$) và 27 hồ chứa thủy lợi chưa thực hiện quan trắc và cung cấp thông tin dữ liệu khí tượng thủy văn theo quy định.

2.3. Đánh giá thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 31/12/2016 thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách về bảo vệ môi trường, kết quả triển khai như sau:

- Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường: Ở cấp tỉnh, năm 2018 đã tiến hành thanh tra, kiểm tra về công tác bảo vệ môi trường với tổng số 27 đơn vị; năm 2019 là 97 đơn vị, xử phạt hành chính với số tiền 1.797.500.000 đồng; năm 2020, đến thời điểm báo cáo đã tiến hành thanh tra, kiểm tra 13 đơn vị, xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 640 triệu. Các hành vi vi phạm chủ yếu là: Thực hiện không đúng, không đầy đủ nội dung báo cáo ĐTM; giám sát chất thải định kỳ không đúng, không đầy đủ; không lập kế hoạch quản lý môi trường; không lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, xác nhận sau thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: UBND tỉnh đã ban hành Thông báo số 04/TB-UBND ngày 12/01/2018 thông báo kết luận Hội nghị triển khai kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2018, theo đó đã chỉ đạo các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố: Tập trung nâng cao chất lượng, khắc phục ngay các hạn chế trong công tác lập, thẩm định, triển khai thực hiện, hậu kiểm việc thực hiện báo cáo ĐTM, KHBVMT của các dự án đầu tư, các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh; Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Kế hoạch số 188/KH-STNMT ngày 19/3/2018 kế hoạch nâng cao chất lượng tham mưu, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Kết quả trong 2 năm 2018, 2019 và từ đầu năm 2020 đến nay đã thẩm định, phê duyệt 68 báo cáo ĐTM; cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường cho 19 dự án.

- Chỉ đạo UBND cấp huyện, cấp xã hướng dẫn tổ, bản xây dựng hương ước, quy ước gắn với bảo vệ môi trường: đã phối hợp cùng UBND các huyện tổ chức triển khai, quán triệt Luật bảo vệ môi trường năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Hướng dẫn xây dựng hương ước, quy ước bảo vệ môi trường cho các cán bộ UBND cấp xã, phường và các Trưởng bản trên địa bàn các huyện; đã ban hành sổ tay hướng dẫn phân loại, thu gom và xử lý rác thải tại khu vực nông thôn.

2.4. Tình hình triển khai Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030

- Phòng ngừa, ngăn chặn việc phát sinh các nguồn gây ô nhiễm môi trường, khu vực bị ô nhiễm môi trường:

Xác định bảo vệ môi trường là nội dung phải được quan tâm và kết hợp hài hòa với phát triển kinh tế, tỉnh Sơn La luôn chú trọng trong việc đảm bảo phát triển kinh tế nhưng không thể tách rời với nhiệm vụ bảo vệ môi trường. Ngay từ giai đoạn lập dự án đầu tư cũng như xem xét, lựa chọn và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường luôn được kiểm soát chặt chẽ, thực hiện hạn chế, hướng tới loại bỏ các loại hình sản xuất có nguy cơ gây

ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; dần hạn chế, tiến tới không cấp phép đầu tư mới hoặc đầu tư mở rộng đối với các loại hình công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, đặc biệt tại các khu vực tập trung dân cư, các lưu vực sông, khu vực nhạy cảm về nguồn nước, vùng ưu tiên cần phải bảo vệ; chú trọng phát triển các ngành kinh tế xanh, thân thiện môi trường.

Các mô hình sinh thái, du lịch cộng đồng, kết hợp phát triển kinh tế với phát triển du lịch, đồng thời hạn chế phát triển công nghiệp, khai thác khoáng sản tại các khu vực có tiềm năng du lịch nhằm đảm bảo sự hài hòa giữa mục tiêu bảo vệ môi trường với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.


Tổ chức thực hiện Đề án Kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng túi nilon khó phân hủy trong sinh hoạt theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 11/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ; từng bước xây dựng, hình thành thói quen tiêu dùng thân thiện môi trường; mở rộng và tiếp tục thực hiện việc dán nhãn sinh thái cho một số loại hình sản phẩm dịch vụ. UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch 203/KH-UBND ngày 29/11/2018 tổ chức các thực hiện các phong trào chống rác thải nhựa trên địa bàn toàn tỉnh yêu cầu các cấp, ngành địa phương thực hiện các hoạt động thiết thực tiến tới hình thành thói quen hạn chế sử dụng các vật liệu khó phân hủy như túi nilon, vật liệu làm từ nhựa.

- Giải quyết cơ bản các vấn đề môi trường khu công nghiệp, lưu vực sông và vệ sinh môi trường nông thôn:

Hàng năm, UBND tỉnh ban hành kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh, theo đó có đề cập nội dung xây dựng kịch bản cập nhật, bổ sung ứng phó với biến đổi khí hậu; nâng cao khả năng phòng tránh và hạn chế tác động xấu của thiên tai, biến đổi khí hậu, bất lợi đối với môi trường; ứng phó và khắc phục có hiệu quả sự cố môi trường do thiên tai gây ra, đặc biệt là khu vực nông thôn.

Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chỉ đạo ban hành các hướng dẫn, rà soát, kiểm tra, đánh giá các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới hoàn thiện và duy trì thực hiện tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm. Đến nay đã có 41/188 xã trên địa bàn tỉnh được công nhận là xã đạt chuẩn về nông thôn mới.

- Nâng tỷ lệ khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu; Nâng tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, tái sử dụng, tái chế hoặc thu hồi năng lượng, sản xuất phân bón.

+ Nâng tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn tỉnh Sơn La: Năm 2017 UBND tỉnh đã công nhận Khu trung tâm hành chính huyện Sốp Cộp là đô thị loại V; nâng tỷ lệ đô thị hóa năm 2017 lên 14,04%. Năm 2018 UBND tỉnh công nhận Khu trung tâm hành chính huyện Quỳnh Nhai lên đô thị loại V; Bộ trưởng Bộ Xây dựng công nhận thị trấn Hát Lót huyện Mai Sơn đạt tiêu chí đô thị loại IV, nâng tỷ lệ đô thị hóa năm 2018 lên 14,60%. Thành phố Sơn La đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt tiêu chí loại II; đô thị Mộc Châu huyện Mộc Châu đã được Bộ trưởng Bộ Xây dựng công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV nâng tỷ lệ đô thị hóa đạt 14,69%. Mục tiêu năm 2020 đạt 14,69%. 

+ Việc xử lý nước thải tập trung khu đô thị: Đã hoàn thành Dự án thu gom và xử lý nước thải thành phố Sơn La với quy mô công suất 6.857m³/ngày đêm; dự án cấp thoát nước đô thị Mộc Châu (*thị trấn Mộc Châu và thị trấn Nông Trường*) với công suất 4.500m³/ngày đêm, nâng số đô thị có hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn lên 3/12, đạt tỷ lệ 25%.

+ Về tỷ lệ Khu công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu: Trên địa bàn tỉnh Sơn La có 01 Khu công nghiệp (*Khu công nghiệp Mai Sơn*) hiện nay hệ thống xử lý nước thải đang triển khai xây dựng và dự kiến đưa vào hoạt động năm 2021.

+ Tại thành phố Sơn La: Tỉnh Sơn La đang vận hành dự án Khu liên hợp xử lý chất thải rắn sử dụng phương pháp ủ sinh học làm phân Compost với công suất 80 tấn/ngày.

- Kiểm soát, xử lý, giảm thiểu các nguồn gây ô nhiễm tại nguồn:

Công tác thanh tra, kiểm tra về môi trường luôn được tỉnh quan tâm, chú trọng và được duy trì thực hiện thường xuyên; việc xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định 1788/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được nghiêm túc triển khai thực hiện, đến nay trên địa bàn tỉnh 100% cơ sở trong danh mục ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đã hoàn thành đầu tư hệ thống xử lý chất thải.

- Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng về môi trường: Các dự án đầu tư xây dựng mới các công trình cung cấp nước sạch khu vực nông thôn, đầu tư thu gom, xử lý rác thải, khu vực nông thôn đã được quan tâm triển khai thực hiện; công tác quy hoạch, lập và triển khai các dự án đầu tư xây dựng công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại các đô thị đã và đang được thực hiện; các công trình xử lý chất thải y tế nguy hại tại các cơ sở y tế tuyến huyện, tuyến tỉnh được đảm bảo kinh phí để duy trì hoạt động thường xuyên.

- Thực hiện khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên:

Công tác lập quy hoạch: Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu tỉnh Sơn La đã được Chính phủ xét duyệt; các quy hoạch về tài nguyên nước đã được thông qua: Quy hoạch phân bổ tài nguyên nước mặt, tài nguyên nước dưới đất tỉnh Sơn La đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch tài nguyên nước (*nội dung bảo vệ tài nguyên nước*) tỉnh Sơn La đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Phương án bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt. Các hoạt động cấp phép, thanh tra, kiểm tra về đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản được duy trì thường xuyên nhằm ngăn chặn tình trạng khai thác, sử dụng trái phép, lãng phí thất thoát tài nguyên thiên nhiên.

- Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học: Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Sơn La đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030 đã được HĐND tỉnh thông qua; các hệ sinh thái quan trọng trên địa bàn tỉnh được khoanh nuôi trong các khu bảo tồn; quy hoạch chi tiết các khu bảo tồn đã được triển khai; thực hiện 01 dự án điều tra, thu thập bổ sung đa dạng sinh học tại các xã Mường Lang, Mường Bang, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Tăng cường năng lực ứng phó biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính.

Hiện nay, hệ thống trạm khí tượng thủy văn quốc gia trên địa bàn tỉnh gồm 37 trạm quan trắc khí tượng thủy văn và đo mưa do Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Tây Bắc quản lý phục vụ cho việc dự báo, cảnh báo về diễn biến thời tiết khí hậu, thủy văn phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn để các cấp, các ngành và người dân chủ động phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với BĐK. Bằng nhiều nguồn vốn khác nhau đã đầu tư nâng cấp, sửa chữa các hồ chứa lớn nhằm đảm bảo an toàn công trình, bảo đảm cấp nước, phòng chống lũ, duy trì môi trường sinh thái, đáp ứng nhu cầu nước ngày càng tăng do phát triển dân sinh, kinh tế và thích nghi với biến đổi khí hậu. Các dự án trồng rừng tập trung; khoanh nuôi tái sinh; bảo vệ rừng được tăng cường thực hiện nhằm nâng tỷ lệ che phủ rừng làm giảm tỷ lệ phát thải khí nhà kính.

- Tuyên truyền, nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường: Công tác tuyên truyền về bảo vệ môi trường được thực hiện thường xuyên, sâu rộng tới quần chúng nhân dân, các sự kiện như ngày môi trường thế giới, quốc tế đa dạng sinh học, chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn... luôn được tổ chức phát động với sự tham gia của đông đảo cán bộ, học sinh, quần chúng nhân dân, thể hiện bằng các hoạt động thiết thực như trồng cây xanh, vệ sinh đường làng, ngõ xóm, nơi làm việc, khơi thông cống rãnh... tạo cảnh quan thoáng mát, thân thiện với môi trường.

- Nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ cho bảo vệ môi trường: Các đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ về bảo vệ môi trường đã được triển khai và thực hiện rộng rãi như xử lý chất thải nông nghiệp, chăn nuôi làm phân bón; các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, áp dụng công nghệ tiến tiến trong sản xuất; sử dụng các chế phẩm sinh học trong khử mùi tại các khu chôn lấp rác thải; các lò đốt rác, hệ thống xử lý nước thải tiên tiến, hiện đại được xây dựng góp phần đáng kể vào xử lý chất thải y tế, nước thải bệnh viện và nước thải từ các nhà máy sản xuất.

2.5. Đánh giá các chỉ tiêu về môi trường

Các chỉ tiêu về môi trường đến hết năm 2020 dự kiến đạt được như sau: Tỷ lệ che phủ rừng: 45,5%; Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 95%; Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch đô thị: 93,2%; Tỷ lệ các khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường: 0% (tỉnh Sơn La chưa có KCN đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường); Tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý: 100%; Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom: 90,5%; Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý: 98%; Tỷ lệ khu đô thị có hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn đạt tiêu chuẩn: 25%.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)

2.6. Đánh giá tình hình thực hiện Chỉ thị 27/CT-TTg ngày 17/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ nhằm chỉ đạo, giải quyết kịp thời các vấn đề nhập khẩu và sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất

Đến thời điểm báo cáo, trên địa bàn tỉnh không có tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nhập khẩu phế liệu và sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.

3. Đánh giá tình hình triển khai các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

3.1. Tình hình triển khai Quyết định số 64/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng

Theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ, trên địa bàn tỉnh Sơn La có 05 cơ sở, trong đó: 02 cơ sở đã dừng hoạt động (nhà máy giấy Craft Mai Sơn, Nhà máy xi măng Chiềng Sinh); 03/03 cơ sở còn lại đã được chứng nhận hoàn thành xử lý triệt để (Công ty Mía Đường Sơn La; Bệnh viện Đa khoa tỉnh; Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Sơn La); Tiến độ xử lý: 03/03 cơ sở được xác nhận hoàn thành xử lý triệt để lý chậm so với thời gian quy định tại Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ.


3.2. Tiến độ xử lý của các cơ sở có tên tại Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ

Theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ, trên địa bàn tỉnh có 24 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (phải xử lý trong giai đoạn 2013-2014, 13 cơ sở; Phải xử lý trong giai đoạn 2013-2017: 11 cơ sở) tiến độ xử lý cụ thể như sau:

- Thời hạn xử lý trong năm 2013-2014, có 13 cơ sở gồm: Bệnh viện Tâm thần tỉnh Sơn La, Trung tâm giáo dục lao động tỉnh Sơn La; Trung tâm giáo dục lao động thành phố Sơn La; Trung tâm giáo dục lao động các huyện: Mai Sơn, Bắc Yên, Phù Yên, Mộc Châu, Thuận Châu, Mường La, Sông Mã, Yên Châu, Sốp Cộp, Quỳnh Nhai. Trong năm 2013, đã rà soát và đưa ra khỏi danh sách 11/13 cơ sở (trung tâm Giáo dục lao động các huyện thành phố tại Quyết định số 1972/QĐ-UBND ngày 09/9/2013, lý do: 11 cơ sở trên có quy mô công suất, lượng xả thải và mức độ ô nhiễm không thuộc đối tượng gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo tiêu chí tại Thông tư số 04/2012/TT-BTNMT ngày 08/5/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường); 02/13 cơ sở còn lại đã được chứng nhận hoàn thành các biện pháp xử lý triệt để ô nhiễm trong năm 2018. Tiến độ xử lý chậm so với yêu cầu đề ra tại Quyết định số 1788/QĐ-TTg.

- Thời hạn xử lý 2013 - 2017: 11 cơ sở (Bệnh viện đa khoa các huyện: Phù Yên, Yên Châu, Thảo Nguyên Mộc Châu, Mai Sơn, Mộc Châu, Bắc Yên, Quỳnh Nhai, Thuận Châu, Sông Mã, Sốp Cộp, Mường La); 11/11 cơ sở đã hoàn thành các biện pháp xử lý; 09/11 cơ sở đã được chứng nhận. Còn 02 cơ sở đang hoàn thiện hồ sơ chứng nhận (Bệnh viện đa khoa huyện Sông Mã, Yên Châu).

3.3. Theo Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21/10/2010 phê duyệt kế hoạch xử lý phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước

Trên địa bàn tỉnh không có điểm, khu vực bị ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật. 

Để phòng ngừa ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3391/QĐ-UBND phê duyệt đề án thu gom, tiêu hủy bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2020; Quyết định số 1932/QĐ-UBND ngày 07/8/2019 ban hành hướng dẫn thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; triển khai xây dựng các bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng (đến hết năm 2018 đã xây dựng được 1.050 bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật).

3.4. *Đánh giá tình hình triển khai Quyết định 985a/QĐ-TTg ngày 01/6/2016 phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025*

Để phòng ngừa, giảm thiểu phát thải khí thải, UBND tỉnh luôn chú trọng lựa chọn, ưu tiên các dự án có công nghệ sản xuất, xử lý khí thải tiên tiến, hạn chế các lĩnh vực sản xuất có phát sinh nhiều khí thải độc hại, các công nghệ, máy móc thiết bị lạc hậu nhằm kiểm soát tốt môi trường không khí. Đưa nội dung quan trắc môi trường không khí vào chương trình quan trắc môi trường hàng năm của tỉnh nhằm dự báo, đánh giá, kịp thời cảnh báo và đưa ra giải pháp xử lý đối với các khu vực, các vùng có biểu hiện bị ô nhiễm môi trường không khí. Công tác thanh tra, kiểm tra đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ trong vấn đề phát thải khí thải được thực hiện thường xuyên. Công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về quản lý chất lượng không khí được quan tâm thực hiện; các kết quả quan trắc môi trường không khí trong chương trình quan trắc môi trường tỉnh được công bố công khai, rộng rãi.

Đánh giá chung: Môi trường không khí trên địa bàn tỉnh chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm. Chỉ có một số địa điểm cục bộ xảy ra tình trạng nồng độ bụi vượt tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường do tập trung mật độ thi công xây dựng các công trình hạ tầng, các khu vực khai thác khoáng sản,...

3.5. *Theo Quyết định số 1250/QĐ-TTg ngày 31/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*

Hệ thống quản lý nhà nước về đa dạng sinh học đã được kiện toàn từ cấp tỉnh đến cấp xã, cụ thể như sau:

- Đã kiện toàn: 12 Ban chỉ đạo bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng cấp huyện; 202 Ban chỉ đạo bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng cấp xã, phường, thị trấn; củng cố, kiện toàn và thành lập 2.789 tổ, đội quần chúng bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Trên địa bàn tỉnh có 15 hạt kiểm lâm (12 hạt kiểm lâm huyện và 03 hạt kiểm lâm rừng đặc dụng), 01 ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên, 02 ban quản lý rừng đặc dụng và 02 ban quản lý rừng đặc dụng - phòng hộ với 356 cán bộ công chức, viên chức thực hiện công tác bảo vệ rừng và đa dạng sinh học.

- Có khoảng 200 công chức địa chính môi trường cấp xã thực hiện kiêm nhiệm công tác quản lý nhà nước ở cấp cơ sở về đa dạng sinh học.

Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh Sơn La đến năm 2020 và tầm

nhìn đến năm 2030 đã được thông qua tại Nghị Quyết số 79/NQ-HDND ngày 16/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh và đã được công bố tại Quyết định 2125/QĐ-UBND ngày 13/8/2014 của UBND tỉnh Sơn La.

- Về đa dạng hệ sinh thái: tỉnh Sơn La có 02 dạng hệ sinh thái đặc trưng: .

+ Hệ sinh thái rừng: Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 614.577 ha rừng gồm các dạng hệ sinh thái rừng tự nhiên (*trên đồi núi đá vôi, trên đồi đất*), hệ sinh thái rừng trồng.

+ Hệ sinh thái đất ngập nước: Theo Quyết định số 341/QĐ-BTNMT ngày 23/3/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành danh mục lưu vực sông nội tỉnh, trên địa bàn tỉnh Sơn La có hơn 1.587.800 ha.

- Về các khu bảo tồn thiên nhiên: Theo Quyết định 3248/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Sơn La, tổng diện tích đất quy hoạch rừng đặc dụng là 87.852 ha, bao gồm 02 Khu rừng đặc dụng (*Khu rừng đặc dụng Xuân Nha trên địa bàn huyện Mộc Châu, Vân Hồ và Khu rừng đặc dụng Tà Xùa trên địa bàn huyện Phù Yên, Bắc Yên*); 02 Khu rừng đặc dụng - phòng hộ (*Khu rừng đặc dụng - phòng hộ Sốp Cộp trên địa bàn huyện Sốp Cộp, Sông Mã và Khu rừng đặc dụng - phòng hộ Thuận Châu trên địa bàn huyện Thuận Châu*) và Khu Bảo tồn thiên nhiên Mường La (*trên địa bàn huyện Mường La*).

- Về hành lang đa dạng sinh học: Trong quá trình lập quy hoạch các khu bảo tồn đã thiết lập hành lang đa dạng sinh học trong nội bộ để đảm bảo các loài sinh vật sống trong các vùng sinh thái của cùng một khu bảo tồn có thể liên hệ với nhau.

- Về đa dạng loài: Theo kết quả điều tra khảo sát của dự án Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Sơn La đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, trên địa bàn tỉnh có số lượng loài sinh vật khá đa dạng, cụ thể như sau:

+ Về thực vật: có 1796 loài thuộc 204 họ nằm trong 5 ngành thực vật bậc cao, trong tổng số 204 họ có trên 50 họ chỉ có một loài, 42 họ có 3 loài, 53 họ có từ 4-9 loài, 25 họ có từ 10-19 loài và 17 họ có trên 20 loài, trong đó có 1000 loài cây có ích. Trong tổng số 1796 loài có: 89 loài thực vật thủy sinh, 147 loài thực vật nổi, còn lại là các loài thực vật cạn.

+ Về động vật: có 1117 loài côn trùng thuộc 139 họ, 11 bộ, trong đó có 241 loài côn trùng quý hiếm; có 329 loài chim thuộc 52 họ, 16 bộ (*gồm cả các loại gia cầm nuôi trong các khu dân cư*), trong đó có 15 loài quý hiếm cần được bảo tồn; có 141 loài thú thuộc 31 họ, 12 bộ (*bao gồm các loài tự nhiên hoang dã và vật nuôi*), trong đó có 40 loài quý hiếm cần được bảo tồn; có 122 loài bò sát – lưỡng cư (*bao gồm các loài tự nhiên hoang dã và vật nuôi*), trong đó có 72 loài thuộc 16 họ thuộc 2 bộ có vảy, 50 loài trong 5 họ thuộc bộ có đuôi và không đuôi, có 26 loài bò sát lưỡng cư quý hiếm; có 391 loài động vật thủy sinh, trong đó có: 79 loài động vật nổi, có 50 loài động vật đáy, 105 loài côn trùng nước, 157 loài cá (*có 09 loài cá quý hiếm*).

- Về đa dạng nguồn gen: tỉnh Sơn La có khá nhiều các giống cây trồng nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản quý hiếm đặc hữu đang được nghiên cứu phục tráng bảo tồn, bao gồm: Các giống lúa nước: tan nhe, tan hin, tan lo, tan lanh, sấm ba *or*

tong, 11, nếp tan Mường Và; Các giống lúa cạn: nếp con giò, nếp đuôi trâu, nếp viêng, nếp cẩm; Các giống ngô: ngô nếp mỡ gà, ngô H'mông; Giống khoai sọ Cù Cang; Các giống cây ăn quả: quýt ngọt, đào mèo, xoài trứng Yên Châu, cam Mường Và; Giống rau cải H'mông; các giống cây công nghiệp: chè san bản địa, cà phê Tirica, bông vải màu; Các giống vật nuôi: bò u địa phương, trâu ngổ, lợn địa phương 6 đốm trắng, gà H'mông, gà đen Sam Kha, gà tre, ngỗng cỏ, ngan đẻ, vịt Mường Khiêng, vịt Mường Chanh, trâu đen Mường Lạn; Các giống cá: cá sinh, cá nèn, cá lăng, cá nheo..

II. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, dự án bảo vệ môi trường sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường năm 2020 và giai đoạn 3 năm 2018 - 2020

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ, dự án

Tổng kinh phí chi cho sự nghiệp bảo vệ môi trường giai đoạn 2018-2020 là 422.422,7 triệu đồng, trong đó:

- Năm 2018, chi ngân sách cho sự nghiệp bảo vệ môi trường là 126.010,7 triệu đồng. Trong đó:

+ Cấp tỉnh: 39.518,7 triệu đồng.

+ Cấp huyện: 86.492 triệu đồng (*kinh phí thực hiện nhiệm vụ công ích, kinh phí thu gom rác thải tại các xã*).

- Năm 2019, chi sự nghiệp bảo vệ môi trường là 136.143 triệu đồng. Trong đó:

+ Cấp tỉnh: 35.286 triệu đồng.

+ Cấp huyện: 100.857 triệu đồng (*kinh phí thực hiện nhiệm vụ công ích, kinh phí thu gom rác thải tại các xã*).

- Ước thực hiện chi ngân sách cho sự nghiệp bảo vệ môi trường cho năm 2020 là 160.269 triệu đồng. Trong đó:

+ Cấp tỉnh: 31.662 triệu đồng.

+ Cấp huyện: 128.607 triệu đồng (*kinh phí thực hiện nhiệm vụ công ích, kinh phí thu gom rác thải tại các xã*).

(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo)

2. Đánh giá thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường

2.1. Thuận lợi

Việc triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong Kế hoạch bảo vệ môi trường của tỉnh năm 2020 về cơ bản đáp ứng được tiến độ đề ra. Hoạt động thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các cơ sở sản xuất kinh doanh vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; rà soát, hỗ trợ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; tổ chức thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, dự án cải tạo phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản; đề án bảo vệ môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh được quan tâm thực hiện đồng bộ. *ant*

2.2. Những tồn tại, vướng mắc trong quá trình triển khai

- Mức chi sự nghiệp cho môi trường đã được quan tâm đầu tư, tuy nhiên chưa đáp ứng được yêu cầu về bảo vệ môi trường cấp thiết hiện nay..

- Nhiều nhiệm vụ, dự án đưa vào kế hoạch bảo vệ môi trường hàng năm nhưng chưa cân đối được kinh phí hoặc cân đối ít, dàn trải thực hiện dẫn đến tỷ lệ thực hiện kinh phí so với dự toán còn thấp.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa chủ động đề xuất các nhiệm vụ, dự án để giải quyết các vấn đề môi trường bức xúc theo lĩnh vực, địa bàn quản lý, chưa thực hiện đánh giá thực hiện các nhiệm vụ, dự án đã có trong kế hoạch bảo vệ môi trường tình hình hàng năm dẫn đến việc đánh giá chung về kết quả thực hiện kế hoạch hàng năm gặp nhiều khó khăn; nhiều nhiệm vụ được đề xuất còn chưa sát với mục tiêu, nội dung bảo vệ môi trường nên không thể tổng hợp, đưa vào kế hoạch để thực hiện.

- Sự phối kết hợp giữa các ngành trong triển khai các dự án còn hạn chế dẫn đến tiến độ triển khai các dự án còn chậm.

- Việc xây dựng kế hoạch còn chưa trọng tâm, trọng điểm, chưa cân đối giữa khu vực đô thị và nông thôn, vấn đề xử lý rác thải nông thôn chưa được quan tâm thỏa đáng.

Nguyên nhân của những tồn tại, vướng mắc:

- Nguyên nhân khách quan: Nguồn ngân sách của tỉnh còn hạn hẹp nên việc bố trí kinh phí để thực hiện theo kế hoạch hàng năm còn hạn chế; có nhiều dự án do không cân đối được kinh phí nên chưa triển khai thực hiện được.

- Nguyên nhân chủ quan: Trong thời gian qua, công tác chỉ đạo thực hiện triển khai các nhiệm vụ, dự án về bảo vệ môi trường mặc dù đã được quan tâm nhưng chưa thực sự sát sao.

- Công tác đôn đốc triển khai thực hiện nhiệm vụ, dự án theo kế hoạch bảo vệ môi trường chưa được thực hiện đầy đủ.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa chủ động trong việc thực hiện triển khai theo kế hoạch đã ban hành.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH VÀ KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021 VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 NĂM 2021-2023 TỪ NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

I. Kế hoạch bảo vệ môi trường

1. Hỗ trợ xử lý các điểm gây bức xúc môi trường ở địa phương

- Duy trì hoạt động của các công trình bảo vệ môi trường của các dự án đã được đầu tư đảm bảo vận hành có hiệu quả, xử lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, chất thải rắn phát sinh.

- Triển khai thực hiện các dự án phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt khu vực đô thị và nông thôn theo hướng giảm tỷ lệ chôn lấp, tăng tỷ lệ tái

chế, tái sử dụng rác thải.

- Yêu cầu các chủ đầu tư thực hiện nghiêm các biện pháp bảo vệ môi trường đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường nhằm hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường đặc biệt là ô nhiễm bụi, khí thải khi triển khai thi công dự án trong khu vực đô thị, khu dân cư.

2. Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường

- Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền của HĐND, UBND các cấp (nếu có).

- Xây dựng và thực hiện chương trình quan trắc môi trường năm 2021 - 2025; thực hiện tổng hợp số liệu quan trắc môi trường hàng năm.

- Kiểm soát chặt chẽ việc buôn bán, sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hóa học dùng trong nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

- Nâng cao chất lượng thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường; xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương lồng ghép với nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn xả thải; tiếp tục bảo vệ tốt môi trường các lưu vực sông trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm soát chặt chẽ các khu, cụm công nghiệp trong việc xây dựng, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, lắp đặt hệ thống thiết bị kiểm soát, giám sát hoạt động xả thải theo quy định của pháp luật, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường, thực hiện các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, xác nhận, tập trung chính vào các cơ sở phát sinh chất thải lớn, các cơ sở chế biến cà phê khu vực đầu nguồn nước, các dự án lớn, tiềm ẩn nguy cơ gây ra các sự cố môi trường.

- Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường đối với các cơ sở đã hoàn thành xử lý ô nhiễm môi trường triệt để.

- Tổ chức triển khai thí điểm, lộ trình xã hội hóa công tác xử lý chất thải rắn khu vực nông thôn; trong đó ưu tiên bố trí quỹ đất và quan tâm đầu tư xây dựng các công trình xử lý rác thải, nước thải, hạ tầng kỹ thuật về môi trường, công nghệ xử lý môi trường phù hợp trong khu vực nông thôn và nông nghiệp.

3. Quản lý chất thải

- Hỗ trợ vận hành hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; vận hành lò đốt và hệ thống xử lý chất thải y tế; vận hành hệ thống chôn lấp chất thải hợp vệ sinh.

- Tiếp tục triển khai Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 2149/QĐ-TTg ngày

17/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Bảo tồn đa dạng sinh học

Tổ chức triển khai Nghị Quyết 79/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 thông qua Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học tỉnh Sơn La và tầm nhìn đến năm 2030, Quyết định 3584/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt Quy hoạch bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng tỉnh Sơn La đến năm 2020, Quyết định 3248/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 UBND tỉnh Sơn La phê duyệt kết quả dự án rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng 2017-2025 và định hướng đến năm 2030 tỉnh Sơn La. Trong đó, tập trung thực hiện các nhiệm vụ: Quy hoạch diện tích đất rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh, các khu rừng đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo vệ cảnh quan, vườn thực nghiệm; Điều tra, thu thập bổ sung thông tin đa dạng sinh học; triển khai mô hình quản lý rừng bền vững; điều tra đánh giá, thử nghiệm và xây dựng cơ sở dữ liệu cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật quý hiếm; điều tra, đánh giá các sinh vật, vi sinh vật ngoại lai trên với mục tiêu quản lý bền vững hệ thống rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh, góp phần bảo vệ, bảo tồn và phát triển các hệ sinh thái rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, các nguồn gen động, thực vật rừng đặc hữu, quý hiếm nhằm phát huy và khai thác có hiệu quả các tiềm năng, giá trị của rừng.

5. Tăng cường năng lực quản lý môi trường


- Tổ chức tập huấn, đào tạo nghiệp vụ nhằm tăng cường năng lực quản lý nhà nước về môi trường từ tỉnh đến cơ sở xã, phường, nhằm đảm bảo năng lực quản lý trong ứng phó các vấn đề môi trường hiện nay; đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng theo quy định của Thông tư 43/2014/TT-BTNMT ngày 29/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tăng cường năng lực quản lý nhà nước cho Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị trực thuộc: bố trí kinh phí sự nghiệp môi trường để thu thập, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin tài nguyên môi trường; kiện toàn Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh.

- Xây dựng đưa vào hoạt động và thống nhất quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về môi trường và đa dạng sinh học.

- Xây dựng và triển khai các mô hình bảo vệ môi trường, mô hình tự quản tiên tiến ở địa phương.

6. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cộng đồng theo hướng đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền; phối hợp giữ các cơ quan quản lý nhà nước với các tổ chức đoàn thể chính trị, cơ quan truyền thông đại chúng; tổ chức thường xuyên các hoạt động bảo vệ môi trường; tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày môi trường Thế giới, Tuần lễ nước sạch và vệ sinh môi trường, chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn. 

- Xây dựng mô hình tự quản, tăng cường vai trò của cộng đồng trong việc giám sát các hoạt động bảo vệ môi trường như hương ước, quy ước bảo vệ môi trường của cộng đồng dân cư, bản, tổ dân phố.

- Từng bước xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, tăng cường xây dựng và nhân rộng các mô hình, ưu tiên kinh phí sự nghiệp môi trường cho công tác truyền thông giáo dục môi trường.

7. Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ cấp bách về bảo vệ môi trường

Tiếp tục tổ chức thực hiện Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 31/12/2016 UBND tỉnh triển khai Kết luận số 02-KL/TW và Chỉ thị số 25/CT-TTg, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm:

- Tiến hành rà soát toàn bộ các tác động đối với môi trường, các yêu cầu về công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, các quy chuẩn áp dụng, chương trình giám sát môi trường của các dự án đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó tập trung rà soát các dự án có nguy cơ cao gây ô nhiễm, sự cố môi trường; kiến nghị điều chỉnh nếu cần thiết. Trên cơ sở đó xác định các dự án cần ưu tiên quản lý, giám sát, kiểm tra chặt chẽ trong quá trình vận hành thử nghiệm.

- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát phù hợp đối với từng nhóm đối tượng được phân chia theo loại hình hoạt động. Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát phù hợp với từng loại hình hoạt động.

- Rà soát, thống kê, hướng dẫn, yêu cầu các cơ sở phải giám sát môi trường tự động liên tục để kết nối số liệu trực tuyến với Sở Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bảo vệ môi trường nông thôn và nông nghiệp: nâng cao độ che phủ rừng, thực hiện các tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường trong canh tác trên đất dốc;

- Bảo vệ môi trường trong lĩnh vực công nghiệp: xử lý dứt điểm tình trạng ô nhiễm do xả nước thải tại các cơ sở chế biến; tăng cường quản lý đối với các nhà máy thủy điện, cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất vật liệu xây dựng;

- Bảo vệ môi trường trong lĩnh vực đô thị: tăng cường năng lực, hỗ trợ vận hành hệ thống: thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; vận hành lò đốt và hệ thống xử lý chất thải y tế; vận hành hệ thống chôn lấp chất thải hợp vệ sinh; xử lý chất thải nguy hại;

- Tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong du lịch tại khu du lịch Quốc gia Mộc Châu - Vân Hồ theo Quyết định số 2050/QĐ-TTg ngày 12/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "*Quy hoạch tổng thể phát triển khu du lịch Quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*".

II. Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, kế hoạch tài chính ngân sách 3 năm 2021-2023

Tổng kinh phí 383.484 triệu đồng, cụ thể:

- Cấp tỉnh là 355.184 triệu đồng; Năm 2021: 92.471 triệu đồng; Năm 2022: *and*

98.220 triệu đồng; Năm 2023: 51.022 triệu đồng; Lũy kế đến hết năm 2020 là 8.470 triệu đồng (*nhiệm vụ chuyển tiếp đang thực hiện*); Đề nghị Ngân sách Trung ương hỗ trợ 105.000 triệu đồng.

- Cấp huyện là 28.300 triệu đồng: Năm 2021: 8.750 triệu đồng; Năm 2022: 9.750 triệu đồng; Năm 2023: 9.800 triệu đồng.

(*Chi tiết tại Phụ lục 3 và Phụ lục 4 kèm theo*)

III. Giải pháp

1. Nâng cao năng lực quản lý của các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

- Kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về môi trường từ cấp tỉnh đến huyện, xã; bảo đảm ở cấp huyện có cán bộ chuyên môn về quản lý môi trường chuyên trách, cấp xã có cán bộ phụ trách công tác bảo vệ môi trường.

- Phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giữa các cấp, các ngành;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm, kiểm soát ô nhiễm môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất kinh doanh: Các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản; các dự án thủy điện vừa và nhỏ; các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; các cơ sở chăn nuôi công nghiệp tập trung đang hoạt động; các bãi chôn lấp chất thải đang hoạt động; các cơ sở chế biến nông sản,...

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới một số cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường; định mức thu gom xử lý chất thải rắn; quy chuẩn kỹ thuật môi trường của tỉnh; phí bảo vệ môi trường.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh, Quỹ sử dụng dịch vụ môi trường rừng.

2. Tăng cường quản lý đầu tư cho bảo vệ môi trường và xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường

- Xây dựng và ban hành quy định về phân bổ, quản lý, định mức chi sự nghiệp môi trường của tỉnh hàng năm và các nguồn thu phí bảo vệ môi trường sử dụng hợp lý, hiệu quả, đúng mục đích nguồn chi sự nghiệp môi trường.

- Tăng phân bổ ngân sách từ nguồn vốn đầu tư phát triển cho một số nhiệm vụ, dự án trọng tâm về bảo vệ môi trường.

- Thu hút đầu tư các khu xử lý nhà máy xử lý rác thải sử dụng công nghệ tiên tiến để phục vụ xử lý chất thải rắn tập trung cho các huyện có điều kiện thu gom, xử lý tập trung như: Mộc Châu và Vân Hồ; Quỳnh Nhai và Thuận Châu; Mai Sơn và Yên Châu; Phù Yên và Bắc Yên.

- Hỗ trợ các dự án đầu tư trong lĩnh vực xử lý chất thải rắn như: giải phóng mặt bằng; ban hành đơn giá thu gom và xử lý phù hợp với điều kiện của địa phương; đầu tư hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào. *am*

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường trong đó tập trung vào việc tổ chức thu gom xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại nhằm phát huy tối đa mọi nguồn lực trong xã hội tham gia vào bảo vệ môi trường;

- Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn: hỗ trợ của Trung ương, nguồn vốn của các tổ chức quốc tế về bảo vệ môi trường; nguồn thu từ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản, phí sử dụng dịch vụ môi trường rừng.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện cơ chế tài chính phân bổ các nguồn thu từ phí bảo vệ môi trường tỉnh để hỗ trợ đầu tư trở lại cho công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị để thu gom chất thải rắn tại khu vực đô thị và nông thôn (*hệ thống thùng rác, xe gom, xe chở rác tại để tu gom chất thải có hiệu quả*).

3. Thực hiện một số đề án, dự án trọng điểm về bảo vệ môi trường

- Duy trì vận hành có hiệu quả các dự án thoát nước và xử lý nước thải tại thành phố Sơn La, thị trấn Mộc Châu và thị trấn Nông trường huyện Mộc Châu; các dự án xử lý chất thải tại các bệnh viện tuyến tỉnh và tuyến huyện; xây dựng các khu chôn lấp, thu gom, xử lý chất thải rắn tại các huyện, thành phố.

- Xây dựng, phê duyệt, tổ chức thực hiện các dự án: cải tạo, phục hồi môi trường đối với các bãi chôn lấp chất thải rắn đã dừng hoạt động; cải tạo phục hồi môi trường và tiến hành đóng cửa mỏ các dự án khai thác khoáng sản đã dừng hoạt động; Đề án xử lý ô nhiễm môi trường đối với hoạt động chế biến cà phê;

- Tổ chức triển khai thí điểm, lộ trình xã hội hóa công tác xử lý chất thải rắn khu vực nông thôn; trong đó ưu tiên bố trí quỹ đất thỏa đáng và quan tâm đầu tư xây dựng các công trình xử lý rác thải, nước thải, hạ tầng kỹ thuật về môi trường.


- Tiếp tục triển khai Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 2149/QĐ-TTg ngày 17/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện Đề án tổng thể xử lý chất thải y tế giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020 theo Quyết định số 2038/QĐ-TTg ngày 15/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, dự án đã được phê duyệt trong kế hoạch bảo vệ môi trường hàng năm.

4. Tăng cường công tác phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường

- Xác định các tổ chức, cá nhân có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, khu vực bị suy thoái, ô nhiễm, sự cố môi trường và nguồn gốc, mức độ, phạm vi ảnh hưởng xấu đến tài nguyên, môi trường.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể về phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm vi phạm pháp luật về môi trường, từ đó tham mưu, đề xuất, kiến nghị và xử lý nghiêm minh mọi tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. 

- Nắm tình hình và điều tra cơ bản toàn bộ các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh có phát sinh chất thải nguy hại có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, hủy hoại tài nguyên môi trường; phát hiện kịp thời các cơ sở xả nước thải chưa qua xử lý ra môi trường. Triển khai các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động xấu đến tài nguyên và môi trường.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan có liên quan thực hiện Kế hoạch này; kịp thời tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh; chủ trì tham mưu các chương trình, dự án, đề án bảo vệ môi trường; trực tiếp chỉ đạo, thực hiện các chương trình, dự án, đề án thuộc phạm vi trách nhiệm của Sở.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện lồng ghép bố trí các nguồn vốn thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường đảm bảo chặt chẽ, hợp lý và hài hòa yêu cầu bảo vệ môi trường với lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và dự án phát triển của tỉnh trong thời gian tới; trong hoạt động xúc tiến đầu tư, cần chú ý ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường.

3. Sở Tài chính

Căn cứ các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương nguồn chi sự nghiệp môi trường, Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí, tham mưu trình HĐND tỉnh, UBND tỉnh phê duyệt để triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Sở Xây dựng


- Chủ trì phối hợp với các ngành, các địa phương liên quan tới việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng, xây dựng kết cấu hạ tầng cấp nước, thoát nước khu vực đô thị; chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu, các công trình về xử lý nước thải sinh hoạt tại các đô thị, khu dân cư tập trung, các điểm tái định cư thủy điện Sơn La.

- Hướng dẫn, chỉ đạo đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quy hoạch xây dựng đô thị, khu dân cư, khu tái định cư, khu dịch vụ tập trung, khu, cụm công nghiệp.

- Phối hợp tham gia chủ trương đầu tư, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường các dự án đầu tư xây dựng theo thẩm quyền.

5. Sở Y tế

- Chủ trì rà soát, vận hành bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực y tế như công trình xử lý nước thải y tế, rác thải y tế nguy hại tại các bệnh viện chuyên khoa, đa khoa tuyến tỉnh, tuyến huyện.

- Chỉ đạo các bệnh viện, các cơ sở y tế thu gom, xử lý nước thải và vận hành thường xuyên, đạt tiêu chuẩn môi trường, quy định kỹ thuật quốc gia về môi trường; 

bố trí thiết bị chuyên dụng để phân loại bệnh phẩm, rác thải y tế tại nguồn; xử lý, tiêu hủy bệnh phẩm, rác thải y tế, thuốc hết hạn sử dụng đảm bảo vệ sinh, tiêu chuẩn môi trường; các cơ sở chiếu xạ, dụng cụ thiết bị y tế có sử dụng chất phóng xạ phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn hạt nhân và an toàn bức xạ.

- Chỉ đạo công tác bảo vệ môi trường trong lĩnh vực khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Hướng dẫn, chỉ đạo các hoạt động bảo vệ môi trường trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản; hướng dẫn xử lý và tiêu hủy các chất thải trong hoạt động nông nghiệp như: dụng cụ, bao bì đựng phân bón; thuốc bảo vệ thực vật; thuốc thú y; thức ăn chăn nuôi sau khi sử dụng; thức ăn thủy sản chăn nuôi hết hạn sử dụng hặc nằm ngoài danh mục cho phép được lưu hành tại Việt Nam; bùn đất và thức ăn lắng đọng khi làm vệ sinh ao nuôi trồng thủy sản.

- Tổ chức hướng dẫn cho nhân dân sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo đúng quy định.

- Kiểm tra điều kiện của các tổ chức, cá nhân hoạt động buôn bán thuốc bảo vệ thực vật. Thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng các cơ sở kinh doanh buôn bán thuốc bảo vệ thực vật đủ điều kiện, các cơ sở kinh doanh buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không đủ điều kiện để nhân dân và chính quyền địa phương biết.

- Tham mưu, đề xuất kinh phí thực hiện tiêu chí số 17 về bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới, trong đó tập trung đến việc hỗ trợ xử lý rác thải sinh hoạt của các xã đạt chuẩn nông thôn mới.

7. Công an tỉnh

- Chỉ đạo lực lượng công an toàn tỉnh thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, xâm phạm và hủy hoại tài nguyên môi trường; kiểm tra, xử lý các loại phương tiện cơ giới đã hết niên hạn sử dụng tham gia giao thông, các phương tiện cơ giới vận chuyển nguyên vật liệu, các loại chất thải không đúng quy định, làm rơi vãi trên đường gây ô nhiễm môi trường.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình chấp hành quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

8. Các sở, ban, ngành có liên quan

Chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, công nghệ xử lý chất thải,... vào hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cũng như các hoạt động khác có ảnh hưởng tới môi trường, nhất là công nghệ tái chế, tái sử dụng chất thải và có biện pháp chế biến thành sản phẩm hữu ích phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững.

Tăng cường công tác kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh hóa chất, phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật; kiểm soát ô nhiễm môi trường đối với hoạt động trong cụm, điểm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đồng thời có biện pháp tăng cường công tác bảo vệ môi trường đối với các hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chợ và các khu thương mại.

Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc chấp hành công tác bảo vệ môi trường của các cơ sở trong khu công nghiệp. Thực hiện quan trắc, giám sát môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường khu công nghiệp; chỉ đạo thực hiện nghiêm nội dung đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường và tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường; nêu gương những tổ chức, cá nhân làm tốt công tác bảo vệ môi trường, đồng thời phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

9. UBND các huyện, thành phố

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ thuộc thẩm quyền quản lý; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo đúng thẩm quyền.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, chú trọng, tập trung vào các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn.

- Cân đối kinh phí từ nguồn nông thôn mới và sự nghiệp môi trường, ưu tiên cho hoạt động hỗ trợ thu gom xử lý rác thải sinh hoạt ở nông thôn trên địa bàn.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn hướng dẫn các tổ, bản trên địa bàn xây dựng hương ước, quy ước gắn với bảo vệ môi trường. Tổ chức vận động, tuyên truyền, hướng dẫn xử lý rác thải sinh hoạt, bao bì hóa chất bảo vệ thực vật.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn hướng dẫn cho nhân dân phương pháp sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đúng tiêu chuẩn, hướng dẫn sử dụng.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường cho các cơ quan doanh nghiệp, cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện, thành phố. *Qm*

Phần thứ ba
ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Tăng mức phân bổ ngân sách Trung ương cho các địa phương để triển khai các dự án, chương trình bảo vệ môi trường như: xử lý nước thải sinh hoạt đô thị; chất thải rắn; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng về bảo vệ môi trường cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cũng như các đối tượng công ích; tăng cường năng lực quản lý môi trường địa phương

2. Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Rà soát, báo cáo Quốc hội, Chính phủ sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp giữa Luật bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan; sửa đổi, bổ sung các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và chỉ đạo triển khai kịp thời Đề án tăng cường năng lực quản lý môi trường các cấp.

- Rà soát các nội dung còn bất cập, chưa rõ ràng trong các Nghị định, thông tư đã ban hành để ban hành, trình Chính phủ ban hành, sửa đổi cho phù hợp.

- Hướng dẫn chi tiết việc ban hành các quy chuẩn kỹ thuật môi trường của địa phương, tập trung vào các lĩnh vực có nguy cơ gây ô nhiễm cao và các đô thị đông dân cư, khu vực có hệ sinh thái nhạy cảm cần được bảo vệ.

- Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo, nâng cao nghiệp vụ về bảo vệ môi trường cho các cán bộ làm công tác quản lý môi trường ở các địa phương.

- Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở lập dự toán chi các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường. *qd*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Minh

UBND TỈNH SƠN LA

PHỤ LỤC 1

TỔNG HỢP KẾT QUẢ VÀ DỰ KIẾN THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND tỉnh Sơn La)*

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch 2023	Kế hoạch 2025	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>3</i>			<i>3</i>
1	Tỷ lệ che phủ rừng	%	43,5	45,4	44,4	45,5	46,4	48,2	50	
2	Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh	%	88	92	95	95	98	100	100	
3	Tỷ lệ dân cư được sử dụng nước sạch đô thị	%	92,5	93	93,2	93,2	93,7		94	
4	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	0	0	100	0	100	100	100	
5	Tỷ lệ các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%	66,7	100	100	100	100	100	100	
6	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom	%	88	90	90,5	90,5	91,7		92,5	
7	Tỷ lệ chất thải rắn y tế được xử lý	%	97	98	98	98	98	98	98	
8	Tỷ lệ khu đô thị có hệ thống xử lý nước thải, chất thải đạt tiêu chuẩn	%	0	16,67	25	25	25	25	33	

UBND TỈNH SƠN LA

PHỤ LỤC 2

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2018 - 2020*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND tỉnh Sơn La)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí trong năm được giao theo QĐ ban hành kế hoạch	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Kinh phí được giao và trích thực hiện năm 2020	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
	Năm 2018									
A	Nhiệm vụ chuyên môn									
1.1	Xây dựng hạng mục sơ lắng lọc tự động nhằm bảo vệ nguồn nước cho một công trình cấp nước tập trung tại bản Pá Khôm, xã Mường É, huyện Thuận Châu	2016-2017	150				Trung tâm nước sạch vệ sinh môi trường	Công trình đã được nghiệm thu, chưa được giao kinh phí		
1.2	Xây dựng 200 bể chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung	2016-2017	221,7				Chi cục Bảo vệ thực vật			
1.3	Điều tra, đánh giá sinh vật ngoại lai trên địa bàn tỉnh	2018-2020	1991			1000	Sở Tài nguyên và Môi trường	Đang triển khai thực hiện		

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí trong năm được giao theo QĐ ban hành kế hoạch	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Kinh phí được giao và ước thực hiện năm 2020	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
1.4	Xây dựng vườn ươm giống cây bản địa quý hiếm và cây có giá trị kinh tế phục vụ công tác trồng rừng tại các khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh Sơn La	2018	3000				Chi cục Kiểm lâm			
1.5	Quản lý, thu gom, tiêu hủy bao gói thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh	2018	753				Chi cục Trồng trọt và BVTV			
1.6	Tuyên truyền tập huấn	2018	507,6				Chi cục Trồng trọt và BVTV			
1.7	Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó BĐKH giai đoạn 2020-2030 tầm nhìn 2050 tỉnh Sơn La	2018 - 2019	1300	500	600	200	Sở TNMT	Hoàn thành		
1.8	Đánh giá khí hậu tỉnh Sơn La	2018 - 2019	515	200	215	100	Sở TNMT	Hoàn thành		
1.9	Xây dựng kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về BĐKH tỉnh Sơn La	2018 - 2020					Sở TNMT	Không bố trí kinh phí		

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí trong năm được giao theo QĐ ban hành kế hoạch	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Kinh phí được giao và ước thực hiện năm 2020	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
1.10	Lập Đề án xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển cho các nhóm dễ bị tổn thương (dân tộc thiểu số) bởi BĐKH nhằm chủ động ứng phó hiệu quả với BĐKH. Thực hiện thí điểm hỗ trợ phát triển cho một số nhóm dễ bị tổn thương để thích ứng tốt với BĐKH	2018					Sở TNMT	Chưa được bố trí kinh phí		
1.11	Khoanh định, công bố vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, ngưỡng khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Sơn La	2018 - 2019	2314				Sở TNMT	Đã hoàn thành		
1.12	Xây dựng phần mềm quan trắc và chuyển giao công nghệ	2018	500				Sở TNMT	Chưa được bố trí kinh phí		
1.13	Quy hoạch tài nguyên nước (nội dung phòng, chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra) tỉnh Sơn La đến năm 2020, định hướng đến năm 2030	2018	2990				Sở TNMT	Đã nghiệm thu		
1.14	Dự án quy hoạch quản lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh Sơn La từ năm 2018-2020, định hướng đến năm 2025	2018	1600				Sở TNMT	Chưa được bố trí kinh phí		

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí trong năm được giao theo QĐ ban hành kế hoạch	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Kinh phí được giao và ước thực hiện năm 2020	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
1.15	Báo cáo đánh giá hiện trạng môi trường và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường đối với chợ, trung tâm thương mại, siêu thị trên địa bàn tỉnh Sơn La	2017	135				Sở Công thương			
1.16	Đề án phát triển ngành Công nghiệp môi trường tỉnh Sơn La đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030.	2018-2019	525				Sở Công thương			
1.17	Điều chỉnh quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Sơn La	2018	1000	334,5			Trung tâm QTTNMT	Hoàn thành		
B	Nhiệm vụ thường xuyên		600							
2.1	Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường	2018	150	50			Sở TNMT	Hoàn thành		
2.2	Chi hoạt động thường xuyên về quản lý bảo vệ môi trường	2018	450	30			Chi cục BVMT	Hoàn thành		
2.3	Phối hợp với các sở, ngành UBND huyện, thành phố các tổ chức đoàn thể, cơ quan tuyên truyền: Tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về BVMT trên địa bàn tỉnh	2018	2550				Sở TNMT			
2.3.1	Tuyên truyền pháp luật về BVMT	2018	800	300			Sở TNMT	Hoàn thành		
2.3.2	Tuyên truyền pháp luật về BVMT	2018	40				Sở TTTT			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí trong năm được giao theo QĐ ban hành kế hoạch	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Kinh phí được giao và ước thực hiện năm 2020	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
2.3.3	Tuyên truyền BVMT trong lĩnh vực Khoa học công nghệ	2018	100				Sở KHCN			
2.3.4	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về môi trường tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh Sơn La	2018	125				Sở Văn hóa- Thể thao - Du lịch			
2.3.5	Tuyên truyền các biện pháp kiểm soát môi trường và biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường trong nuôi trồng thủy sản	2018					Chi cục Thủy sản			
2.3.6	Tập huấn tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường	2018	205				Bộ CHQS tỉnh			
2.3.7	Tập huấn tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường	2018	80				Hội nông dân			
2.3.8	Tập huấn tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường	2018	145				Hội CCB			
2.3.9	Tập huấn tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường	2018	50				Ban tuyên giáo			
2.3.10	Tổ chức tuyên truyền bảo vệ môi trường cho đồng bào dân tộc thiểu số	2018	60				Ban dân tộc			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí trong năm được giao theo QĐ ban hành kế hoạch	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Kinh phí được giao và ước thực hiện năm 2020	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
2.3.11	Hỗ trợ bảo vệ môi trường, xây dựng mô hình tự quản môi trường cho các hộ dân tái định cư	2018	200				BQLDA TĐC TĐ Sla			
2.3.12	Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật bảo vệ môi trường và kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường tại các công trình thi công xây dựng đường giao thông	2018	200				Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông			
2.3.13	Phổ biến tuyên truyền, giáo dục cho học sinh về bảo vệ môi trường	2018	45				Sở GDĐT			
2.3.14	Tuyên truyền phổ biến pháp luật bảo vệ môi trường; xây dựng mô hình lò đốt rác do Đoàn thanh niên quản lý; mô hình thanh niên thu gom rác thải	2018	200				Tinh đoàn			
2.4	Chi sự nghiệp môi trường cho cấp xã, cấp huyện, thành phố	2018	11200				UBND các huyện, thành phố			
2.5	Quan trắc môi trường hàng năm	2018-2020		800	800	1500	Trung tâm QTTNMT	Hoàn thành. Năm 2020 đang triển khai		

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí trong năm được giao theo QĐ ban hành kế hoạch	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Kinh phí được giao và ước thực hiện năm 2020	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
2.6	Hỗ trợ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La	2018	830				Công an tỉnh			
C	Hỗ trợ quản lý chất thải và xử lý ô nhiễm môi trường		41271							
3.1	Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải và rác thải Bệnh viện Phong và Da Liễu	2017	7301	4211	3390		Sở TNMT	Hoàn thành		
3.2	Dự án cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải y tế bệnh viện đa khoa Sông Mã	2018-2019	9935	3000	6935		Sở TNMT	Hoàn thành		
3.3	Dự án cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải và rác thải y tế bệnh viện đa khoa Yên Châu	2017	7331	3500	1221		Sở TNMT	Hoàn thành		
3.4	Dự án cải tạo nâng cấp hệ thống xử lý nước thải và rác thải y tế bệnh viện Tâm Thần	2017-2018	5421		3000		Sở TNMT	Hoàn thành		
3.5	Thiết kế, gia công lò đốt xử lý rác thải rắn cho cơ quan đơn vị	2018	250				Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Sơn La			
3.6	Khắc phục ô nhiễm kho K4, kho xăng dầu, bãi xử lý đạn dược cấp 5	2018	100				Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Sơn La			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí trong năm được giao theo QĐ ban hành kế hoạch	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Kinh phí được giao và ước thực hiện năm 2020	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
3.7	Hỗ trợ trang thiết bị phục vụ môi trường tại các khu điểm du lịch	2018	40				Sở Văn hóa			
3.8	Hỗ trợ xử lý ô nhiễm chất thải khu vực công ích		6471							
3.8.1	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện đa khoa Sốp Cộp	2018	259,2				Bệnh viện ĐK Sốp Cộp			
3.8.2	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện đa khoa Mường La	2018	390				BVĐK Mường La			
3.8.3	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện đa khoa Mai Sơn	2018	309,7				BVĐK Mai Sơn			
3.8.4	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện đa khoa Phù Yên	2018	660				BVĐK Phù Yên			
3.8.5	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện đa khoa Bắc Yên	2018	309,7				BVĐK Bắc Yên			
3.8.6	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện đa khoa Thuận Châu	2018	278,8				BVĐK Thuận Châu			
3.8.7	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La	2018	1515,9				BVĐK tỉnh			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí trong năm được giao theo QĐ ban hành kế hoạch	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Kinh phí được giao và ước thực hiện năm 2020	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
3.8.8	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện đa khoa Quỳnh Nhai	2018	288,8				BVĐK Quỳnh Nhai			
3.8.9	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện Phục hồi chức năng	2018	266				BV phục hồi chức năng			
3.8.10	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện Y học cổ truyền	2018	397,8				BV YDCT			
3.8.11	Quản lý vận hành, xử lý CTYT Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	2018	266				BV lao và bệnh phổi			
3.8.12	Hỗ trợ, quản lý, vận hành xử lý chất thải Bệnh viện nội tiết	2018	50				Bệnh viện nội tiết			
3.8.13	Hỗ trợ, quản lý, vận hành xử lý chất thải Bệnh viện Phong và da liễu	2018	245,9				Bệnh viện Phong và da liễu			
3.8.14	Hỗ trợ, quản lý, vận hành xử lý chất thải Bệnh viện Tâm thần	2018	173				Bệnh viện tâm thần			
3.8.15	Hỗ trợ, quản lý, vận hành xử lý chất thải Bệnh viện Mắt	2018	82,4				Bệnh viện mắt			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí trong năm được giao theo QĐ ban hành kế hoạch	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Kinh phí được giao và ước thực hiện năm 2020	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
3.8.16	Hỗ trợ, quản lý, vận hành xử lý chất thải Bệnh viện Sông Mã	2018	300				Bệnh viện Sông Mã			
3.8.17	Hỗ trợ, quản lý, vận hành xử lý chất thải Bệnh viện Yên Châu	2018	215				Bệnh viện Yên Châu			
3.8.18	Hỗ trợ, quản lý, vận hành xử lý chất thải Bệnh viện Thảo nguyên	2018	385,1				Bệnh viện Thảo nguyên			
3.8.19	Hỗ trợ, quản lý, vận hành xử lý chất thải Bệnh viện Mộc Châu	2018	430				Bệnh viện Mộc Châu			
3.9	Dự án xử lý chất thải nguy hại tập trung trên địa bàn tỉnh Sơn La	2017-2020	100				Sở TNMT	Chưa bố trí kinh phí		
3.10	Phương án cải tạo môi trường bãi chôn lấp chất thải rắn Chiềng Ngần, thành phố Sơn La	2018	4052				Sở Xây dựng			
D	Dự phòng		50000							
1	Khắc phục sự cố ô nhiễm môi trường	2018	15000							
2	Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và chôn lấp rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh	2018	35000				UBND các huyện, thành phố			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí trong năm được giao theo QĐ ban hành kế hoạch	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Kinh phí được giao và ước thực hiện năm 2020	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
	Năm 2019									
A	Nhiệm vụ chuyên môn									
1.1	Đề án phát triển ngành Công nghiệp môi trường tỉnh Sơn La đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030.	2019	525				Sở Công thương			
1.2	Xây dựng bể chứa bao gói thuốc BVTV tại vùng sản xuất tập trung	2019	1000				Chi cục trồng trọt BVTV			
1.3	Xử lý, tiêu hủy bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng	2019	1500				Chi cục BVMT			Sở NN&PT NT thực hiện
1.4	Xây dựng mô hình tự quản về bảo vệ môi trường, xã hội hóa thu gom rác thải trong xây dựng nông thôn mới dựa trên đội thanh niên tình nguyện và cộng đồng	2019	1126				Tinh đoàn			
1.5	Nghiên cứu công nghệ sản xuất sạch hơn đối với nước thải hoạt động chế biến cà phê trên địa bàn tỉnh Sơn La	2019	350				Sở NNPTNT			
1.6	Điều tra, thống kê toàn bộ nguồn thải trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2019	2019 - 2020	800		500		Sở TNMT	Đang nghiệm thu		

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí trong năm được giao theo QĐ ban hành kế hoạch	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Kinh phí được giao và ước thực hiện năm 2020	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
B	Nhiệm vụ thường xuyên									
2.1	Chi hoạt động thường xuyên về quản lý bảo vệ môi trường	2019	252		30		Chi cục BVMT	Hoàn thành		
2.2	Đề án phân loại rác thải tại nguồn tại thành phố Sơn La	2019-2022	9600		500		Sở TNMT	Đang triển khai		
2.3	Tuyên truyền bảo vệ môi trường	2019	600		150		Sở TNMT	Hoàn thành		
2.4	Tuyên truyền pháp luật về BVMT cho học sinh	2019	88				Sở GDĐT			
2.5	Tuyên truyền bảo vệ môi trường	2019	53				Ban dân tộc			
2.6	Tập huấn tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường	2019	66				Ban tuyên giáo			
2.7	Tuyên truyền phổ biến pháp luật bảo vệ môi trường	2019	50				Tinh đoàn			
2.8	Tổ chức hội nghị tập huấn về công tác bảo vệ môi trường	2019	71				Sở VH TTDL			
2.9	Triển khai công tác bảo vệ môi trường ngành công thương và hưởng ứng các ngày thế giới về môi trường	2019	25				Sở Công thương			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí trong năm được giao theo QĐ ban hành kế hoạch	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Kinh phí được giao và ước thực hiện năm 2020	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
1.1	Dự án phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thành phố Sơn La giai đoạn 2020-2022	2020-2022				500	Sở TNMT		Đang thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi để tiếp tục triển khai các bước tiếp theo	Đề nghị Trung ương hỗ trợ 25000 triệu
1.2	Xây dựng hạng mục sơ lắng lọc tự động nhằm bảo vệ nguồn nước cho một công trình cấp nước tập trung tại bản Pá Khôm, xã Mường É, huyện Thuận Châu	2016-2017	150				Trung tâm nước sạch và sinh môi trường			Công trình đã được nghiệm thu nhưng chưa được giao kinh phí
1.3	Nghiên cứu công nghệ sản xuất sạch hơn đối với nước thải hoạt động chế biến cà phê trên địa bàn tỉnh Sơn La	2019-2020	357				Sở NNPTNT			
1.4	Lập báo cáo hiện trạng môi trường 5 năm (2016-2020)	2020	2000			500	Sở TNMT		Đang triển khai thực hiện	

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí trong năm được giao theo QĐ ban hành kế hoạch	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Kinh phí được giao và ước thực hiện năm 2020	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
1.5	Dự án tăng cường năng lực quan trắc môi trường tỉnh	2020-2022	10.000				Sở TNMT	Chưa bố trí được kinh phí		Đề nghị trung ương hỗ trợ 105000 triệu; NSDP 45000
1.6	Đầu tư xây dựng bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh huyện Mường La	2020-2021	15000				Sở TNMT	Chưa bố trí được kinh phí		
1.7	Đầu tư xây dựng bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh huyện Mộc Châu	2020-2021	25000				Sở TNMT	Chưa bố trí được kinh phí		
1.8	Đầu tư xây lắp các điểm tập kết rác thông minh đặt ngầm tại khu vực nội thị thành phố Sơn La	2020-2021	1200				Sở TNMT	Chưa bố trí được kinh phí		
1.9	Cải tạo nâng cấp trạm xử lý nước thải ri rác áp dụng công nghệ Oxy hóa nâng cao tại Khu xử lý chất thải rắn thành phố Sơn La	2020-2021	6800				Sở TNMT	Chưa bố trí được kinh phí		

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí trong năm được giao theo QĐ ban hành kế hoạch	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Kinh phí được giao và ước thực hiện năm 2020	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
1.10	Hỗ trợ xử lý, tiêu hủy bao gói thuốc BVTV sau sử dụng	2020	1000				Chi cục Trồng trọt và BVTV			
1.11	Xây dựng bể chứa bao gói thuốc BVTV sau sử dụng	2020	1000				Chi cục Trồng trọt và BVTV			
1.12	Đánh giá tác động đến môi trường của chất thải nguy hại trong hoạt động xây dựng và sản xuất của các nhà máy điện sử dụng nguồn năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh Sơn La	2020-2022	200				Sở Công thương			
1.13	Tổ chức điều tra, đánh giá, lập danh sách, giám sát các cơ sở công nghiệp, khu công nghiệp, cụm công nghiệp có khả năng xảy ra sự cố môi trường	2020-2022	0				Sở Công thương			
1.14	Dự án xây dựng bộ tài liệu tuyên truyền ứng phó với biến đổi khí hậu chuẩn cho các thành phần: Công chức, viên chức, học sinh, sinh viên và cộng đồng dân cư	2020	500				Sở TNMT	Chưa bố trí được kinh phí		
1.15	Xây dựng Đề án nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý nhà nước về Biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Sơn La	2020 - 2021	100			100	Sở TNMT	Đang thực hiện		

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí trong năm được giao theo QĐ ban hành kế hoạch	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Kinh phí được giao và ước thực hiện năm 2020	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
1.16	Đề án xây dựng chính sách hỗ trợ phát triển cho các nhóm dễ bị tổn thương (dân tộc thiểu số) bởi BĐKH nhằm ứng phó hiệu quả với BĐKH. Thực hiện thí điểm hỗ trợ phát triển cho một số nhóm dễ bị tổn thương để thích ứng với BĐKH	2020-2022	1000				Sở TNMT	Chưa bố trí được kinh phí		
1.17	Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn thải trên địa bàn tỉnh	2020-2022	2000				Sở TNMT			Không thực hiện
1.18	Đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp thu gom, xử lý CTR sinh hoạt vùng nông thôn	2020	2000			2000	Sở TNMT	Đang thực hiện		
1.19	Quan trắc các vị trí tại khu vực đầu nguồn nước cấp và lấy nước sinh hoạt trên địa bàn thành phố Sơn La và các huyện Mai Sơn, Thuận Châu	2020	346			355	Trung tâm QTTNMT	Đang thực hiện		
1.20	Đào tạo, tăng cường năng lực quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học	2020	1200				Sở TNMT	Chưa bố trí được kinh phí		
1.21	Tăng cường năng lực tổ chức cơ quan chuyên môn và cán bộ bảo vệ môi trường các cấp về quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh	2020-2022	2000				Sở TNMT	Chưa bố trí được kinh phí		

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí trong năm được giao theo QĐ ban hành kế hoạch	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Kinh phí được giao và ước thực hiện năm 2020	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
1.22	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về môi trường và đa dạng sinh học	2020-2023	9689,16			1000	Sở TNMT	Đang thực hiện		
1.23	Điều tra, đánh giá, xây dựng cơ sở dữ liệu các hồ chứa, các thủy vực và phân cấp khu bảo tồn thiên nhiên ở tỉnh Sơn La	2020	1000				Sở TNMT	Chưa bố trí được kinh phí		
1.24	Xây dựng hệ thống quản lý, giám sát khai thác sử dụng, lưu trữ thông tin, dữ liệu tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Sơn La	2020-2022	7055,4			2770	Sở TNMT	Đang thực hiện		
1.25	Khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông, hồ chứa và đề xuất xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật về khai thác, kiểm soát quản lý, kiểm soát khai thác cát sỏi lòng sông	2019-2022	4600				Sở TNMT	Chưa bố trí được kinh phí		
1.26	Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nguồn nước thải các sông, suối chính trên địa bàn tỉnh Sơn La và lập bản đồ phân vùng tiếp nhận nước thải của nguồn nước	2020-2022	7569			600	Sở TNMT	Đang thực hiện		

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí trong năm được giao theo QĐ ban hành kế hoạch	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Kinh phí được giao và ước thực hiện năm 2020	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
1.27	Điều tra, đánh giá, đề xuất giải pháp quản lý, bảo vệ môi trường vùng lưu vực hồ chứa và hạ du các dự án thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Sơn La	2020-2022	2000				Sở TNMT	Đang thực hiện		
1.28	Xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Sơn La	2020-2022	0				Sở TNMT			Đã lồng ghép vào nhiệm vụ tài nguyên nước
1.29	Thành lập đội hình thanh niên tình nguyện thu gom rác thải tại các xã xây dựng nông thôn mới và xây dựng lò đốt rác cộng đồng	2020	366				Tỉnh đoàn			
1.30	Khảo sát hiện trạng, khắc phục ô nhiễm tại các bãi rác, ao hồ và nơi công cộng trên địa bàn tỉnh bằng chế phẩm sinh học, vôi bột và thuốc diệt côn trùng	2020-2021	19600				Sở TNMT			Không thực hiện
1.31	Đầu tư xây dựng bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh huyện Quỳnh Nhai	2020	15000				Sở TNMT	Chưa bố trí được kinh phí		
1.32	Xử lý rác thải nhựa tại thành phố Sơn La và huyện Mộc Châu	2020	2000				Sở TNMT	Chưa bố trí được kinh phí		

146

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí trong năm được giao theo QĐ ban hành kế hoạch	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Kinh phí được giao và ước thực hiện năm 2020	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
B	Nhiệm vụ thường xuyên									
2.1	Hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra về BVMT, kiểm tra xác nhận công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; hậu kiểm ĐTM, kiểm soát ô nhiễm môi trường	2020	400			100	Sở TNMT	Đang thực hiện		
2.2	Kiểm tra việc thực hiện các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và trong bản cam kết bảo vệ môi trường đối với các cơ sở thuộc lĩnh vực công thương	2021-2022	0				Sở Công thương			
2.3	Thực hiện chế độ kiểm tra, giám sát đối với các dự án, khu công nghiệp, cụm công nghiệp tiềm ẩn nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường	2021-2022	0				Sở Công thương			
2.4	Hỗ trợ phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	2020-2022	106			50	Trung tâm QTTNMT	Đang thực hiện		
2.5	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BVMT									
2.5.1	Tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường	2020-2022	800			500	Sở TNMT	Đang thực hiện		

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí trong năm được giao theo QĐ ban hành kế hoạch	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Kinh phí được giao và ước thực hiện năm 2020	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
2.5.2	Đào tạo tập huấn về môi trường	2020-2022	200			100	Sở TNMT			
2.5.3	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BVMT	2020-2022	45				BQL các KCN			
2.5.4	Tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường	2020-2022	123				Sở KHCN			
2.5.5	Thực hiện các nhiệm vụ về giảm sử dụng túi ni lông khó phân hủy tại các Trung tâm thương mại, siêu thị, chợ dân sinh trên địa bàn tỉnh Sơn La	2020-2022	150				Sở Công thương			
2.5.6	Tổ chức Hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường cho cán bộ quản lý môi trường, lãnh đạo các cơ sở thuộc lĩnh vực công thương	2020-2021	55				Sở Công thương			
2.5.7	Tuyên truyền giáo dục về BVMT	2020-2022	43				Sở GDĐT			
2.5.8	Tập huấn bảo vệ môi trường cho cán bộ đoàn	2020-2022	52				Tỉnh đoàn			
2.5.9	Tổ chức hoạt động truyền thông chống rác thải nhựa	2020-2022	100				Tỉnh đoàn			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí trong năm được giao theo QĐ ban hành kế hoạch	Kinh phí năm 2018	Kinh phí năm 2019	Kinh phí được giao và ước thực hiện năm 2020	Đơn vị thực hiện lưu giữ sản phẩm	Tiến độ giải ngân (%)	Các kết quả chính đạt được	Ghi chú
2.5.10	Tuyên truyền, vận động, hưởng ứng các ngày lễ về môi trường	2020-2022	50				Ban Tuyên giáo tỉnh ủy			
2.5.11	Tuyên truyền về bảo vệ môi trường	2020-2022	453				Sở Văn hóa TT&DL			
C	Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng									
3.1	Hỗ trợ hoạt động hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn	2020-2022	154				Cơ sở điều trị nghiệm ma túy tỉnh			
D	Hỗ trợ thu gom, xử lý rác, cây xanh, chiếu sáng đô thị									
4.1	Hỗ trợ hoạt động thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý và chôn lấp rác thải sinh hoạt, cây xanh và chiếu sáng trên địa bàn tỉnh	2020-2022	20000				UBND các huyện, thành phố			
E	Khắc phục sự cố ô nhiễm môi trường và các nhiệm vụ đột xuất									
		2020-2022	10000							

UBND TỈNH SƠN LA

PHỤ LỤC 3

TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 3 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2023*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2020 của UBND tỉnh)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí dự kiến 2022	Kinh phí dự kiến 2023	Ghi chú
A	Nhiệm vụ chuyên môn						274.812	8.470	65.183,4	71.658	24.500	
I	Nhiệm vụ chuyển tiếp						70.812		26.083	36.258	0	
1	Dự án phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thành phố Sơn La	Nghị định 38; điểm đ, e khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC	Điều tra, đánh giá, phân loại chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Sơn La	Dự án; triển khai thực hiện dự án	Sở TNMT	2020-2022	40000	500	10.000	29.500		Đề nghị Trung ương hỗ trợ 37.624 triệu (Theo QĐ cho phép lập dự án)
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin về môi trường và đa dạng sinh học	Mục 1.5 phần thứ 2 của Công văn số 2696/BTNMT-KHTC ngày 20/6/2019	Điều tra bổ sung các cơ sở dữ liệu; Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, thông tin về môi trường và đa dạng sinh học	Hệ thống cơ sở dữ liệu về môi trường và đa dạng sinh học	Sở TNMT	2020-2022	9689,16	1.000	4.000	4689,16		

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí dự kiến 2022	Kinh phí dự kiến 2023	Ghi chú
3	Xây dựng hệ thống quản lý, giám sát khai thác sử dụng, lưu trữ thông tin, dữ liệu tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Sơn La	Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Xây dựng phân hệ quản lý đánh giá, thống kê, tự động xử lý các thông tin về trữ lượng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Sơn La bao gồm tài nguyên nước mưa, tài nguyên nước mặt và tài nguyên nước dưới đất; giám sát, khai thác sử dụng tài nguyên nước được chia sẻ từ Hệ thống giám sát của Bộ Tài nguyên và Môi trường...	Các phần mềm chuyên dụng tự động phân tích dữ liệu giám sát tài nguyên nước, khí tượng thủy văn; tạo lập hồ sơ quản lý đối với từng đối tượng khai thác, sử dụng tài nguyên nước cũng như đến từng đối tượng cung cấp, sử dụng thông tin dữ liệu về khí tượng thủy văn trên địa bàn tỉnh Sơn La	Sở TNMT	2020-2022	7055,4	2.770	4.285,4			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí dự kiến 2022	Kinh phí dự kiến 2023	Ghi chú
4	Điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của các sông, suối chính trên địa bàn tỉnh Sơn La và lập bản đồ phân vùng tiếp nhận nước thải của nguồn nước	Nghị quyết số 27/2009/NQ-CP ngày 12/6/2009; Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013; Thông tư 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Điều tra, thống kê các cơ sở gây ô nhiễm; lập danh mục các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt và đề xuất các giải pháp; Đánh giá khả năng tiếp nhận nguồn nước thải các sông, suối chính trên địa bàn tỉnh Sơn La; lập bản đồ phân vùng tiếp nhận nước thải của nguồn nước	BC điều tra, lập bản đồ phân vùng	Sở TNMT	2020-2022	7569	600	4.900	2.069		
5	Xây dựng Đề án nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý nhà nước về Biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Sơn La	Quyết định 672/QĐ-BTNMT ngày 31/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định 2064/QĐ-UBND ngày 27/7/2017	Tăng cường, nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên trách về BĐKH	Đề án được duyệt	Sở TNMT	2020 - 2021	600	100	500			
6	Đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt vùng nông thôn	Nghị định 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải, phế liệu;	Khảo sát, đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp thu gom, xử lý CTR sinh hoạt vùng nông thôn	Báo cáo được duyệt và các bản đồ, phiếu điều tra, báo cáo chuyên đề... kèm theo	Sở TNMT	2020-2021	2000	2.000				

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí dự kiến 2022	Kinh phí dự kiến 2023	Ghi chú
7	Xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Sơn La giai đoạn 2016-2020	Điều 137 Luật Bảo vệ môi trường	Đánh giá thực trạng môi trường 05 năm, đề xuất các biện pháp quản lý	Báo cáo được duyệt	STNMT	2020	1907	500	1.407			
8	Điều tra, đánh giá sinh vật ngoại lai xâm hại trên địa bàn tỉnh Sơn La	Điều 50 Luật Đa dạng sinh học	Điều tra đánh giá sinh vật ngoại lai, đề xuất biện pháp kiểm soát sự lây lan phát triển của sinh vật ngoại lai	Báo cáo được duyệt	STNMT	2020	1991	1.000	991			
II	Nhiệm vụ mở mới						204000		39100	35400	24500	
1	Xây dựng mô hình điểm về bảo vệ môi trường	Điểm s khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Hỗ trợ xây dựng mô hình điểm: Nhà tiêu khô sinh thái; thu gom xử lý phụ phẩm nông nghiệp và chất thải chăn nuôi; chăn nuôi an toàn sinh học	20 nhà tiêu khô sinh thái; 03 mô hình thu gom xử lý phụ phẩm nông nghiệp; 03 mô hình điểm chăn nuôi an toàn sinh học bảo vệ môi trường	Hội nông dân tỉnh	2021-2023	1500		500	500	500	
2	Đánh giá tác động đến môi trường của chất thải nguy hại trong hoạt động xây dựng và sản xuất của các nhà máy điện sử dụng nguồn năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh Sơn La	Điểm đ khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC	Đánh giá tác động đến môi trường của chất thải nguy hại trong hoạt động xây dựng, sản xuất của các nhà máy điện sử dụng nguồn năng lượng tái tạo trên địa bàn tỉnh Sơn La	Báo cáo đánh giá được phê duyệt	Sở Công thương	2021-2022	500		300	200		

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí dự kiến 2022	Kinh phí dự kiến 2023	Ghi chú
3	Cải tạo, nâng cấp trạm xử lý nước rỉ rác áp dụng công nghệ oxy hóa nâng cao tại Khu xử lý chất thải rắn thành phố Sơn La	Điểm k khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC	Xử lý nước rỉ rác phát sinh từ khu xử lý chất thải rắn thành phố Sơn La	Hệ thống xử lý nước rỉ rác được nâng cấp, chất lượng nước sau xử lý đảm bảo quy định về môi trường	Sở Xây dựng	2021-2022	8000		6.800	1.200		
4	Điều tra, thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu các nguồn phát sinh khí thải nhà kính từ hoạt động giao thông, công nghiệp, nông- lâm nghiệp, dân sinh và đề xuất giải pháp quản lý phát thải trên địa bàn tỉnh Sơn La	Quyết định số 985a/QĐ-TTg ngày 01/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về quản lý chất lượng không khí đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025; Công văn số 6551/BTNMT-TCMT ngày 09/12/2019; Công văn số 327/UBND-KT ngày 12/02/2020 của UBND tỉnh	Điều tra đánh giá áp lực thống kê hiện trạng Khí nhà kính; Dự báo trong tương lai phát thải KNK của tỉnh Sơn La; đánh giá nguồn phát thải KNK trên địa bàn tỉnh Sơn La; Đề xuất các biện pháp giảm nhẹ phát thải Khí nhà kính bao gồm các giải pháp kỹ thuật và quản lý cho các lĩnh vực phát thải trên địa bàn tỉnh	Bộ số liệu điều tra, thu thập thông tin; bản đồ, báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp số liệu, tính toán, kiểm kê, đánh giá phát thải khí nhà kính và các biện pháp quản lý	Sở TNMT	2021-2022	6500		3.000	3.500		

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí dự kiến 2022	Kinh phí dự kiến 2023	Ghi chú
5	Dự án tăng cường năng lực quan trắc môi trường tỉnh Sơn La	CV 2361/BTNMT-KHTC ngày 04/5/2020;	Nâng cao năng lực quan trắc môi trường tỉnh	Đầu tư trang thiết bị quan trắc môi trường và xây dựng các trạm quan trắc môi trường tự động, liên tục	Sở TNMT	2021-2023	150000		10.000	20.000	15.000	Đề nghị trung ương hỗ trợ 1050 00 triệu; NSĐ P 4500 0
6	Điều tra, đánh giá các hồ chứa, các thủy vực và phân cấp khu bảo tồn thiên nhiên ở tỉnh Sơn La	Điểm g khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC; Mục thứ 3 mục V danh mục các dự án ưu tiên bảo tồn của Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 17/6/2014 của HĐND tỉnh	Điều tra, đánh giá đa dạng sinh học tại các hồ chứa, thủy vực và phân cấp khu bảo tồn nước ngọt trên địa bàn tỉnh	Dự án được duyệt	Sở TNMT	2021	1000		1.000			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí dự kiến 2022	Kinh phí dự kiến 2023	Ghi chú
7	Xây dựng trạm quan trắc tự động cho dự án điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp thoát nước khu đô thị huyện Mộc Châu tỉnh Sơn La	Thông báo số 304/TB-V PUB ngày 20/4/2020; điểm I, điểm k Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTNMT	Đầu tư 02 trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục tại 02 trạm xử lý nước thải sinh hoạt (thị trấn Mộc Châu và Thị trấn Nông trường Mộc Châu) để hỗ trợ duy trì hoạt động của dự án cấp thoát nước đô thị Mộc Châu	Xây dựng 02 trạm quan trắc nước thải tự động, liên tục	Sở TNMT	2021	6000		6.000			
8	Điều tra, khảo sát, đánh giá các giống loài động vật, thực vật trong các khu rừng đặc dụng, phòng hộ trên địa bàn tỉnh	điểm g khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC; Luật Lâm nghiệp; Luật Đa dạng sinh học và quy định tại các văn bản liên quan	(1) Điều tra, khảo sát, đánh giá các giống loài động vật, thực vật đang có trong các khu rừng. (2) Xác định được danh mục, địa điểm phân bố các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm và loài nguy cấp quý hiếm ưu tiên bảo vệ.	Danh mục, địa điểm phân bố các loài động vật, thực vật rừng trong các khu rừng phòng hộ có diện tích lớn, khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh (Có phân theo loài nguy cấp, quý hiếm, nguy cấp quý hiếm, thông thường...).	Sở Nông nghiệp và PTNT	2021-2023	9000		3.000	3.000	3.000	

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí dự kiến 2022	Kinh phí dự kiến 2023	Ghi chú
9	Bảo tồn các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm và loài nguy cấp quý hiếm	điểm g khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC; Luật Lâm nghiệp; Luật Thủy sản và quy định tại các văn bản liên quan.	Bảo vệ, phát triển được các loài động vật, thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm và các loài nguy cấp quý hiếm.	(1) Tuyên truyền, phổ biến dưới các hình thức: xây dựng pa nô, áp phích, tờ rơi, hội nghị, xây dựng các chuyên mục trên báo, đài. (2) Tập huấn cho các tổ chức, cá nhân có liên quan. (3) Xây dựng các hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho công tác bảo tồn. (4) Xây dựng nguồn nhân lực phục vụ cho công tác bảo tồn.	Sở Nông nghiệp và PTNT	2021-2023	15000		5.000	5.000	5.000	
10	Thí điểm mô hình phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường tại vùng trồng nhãn gắn với cơ sở chế biến nông nhãn trên địa bàn huyện Sông Mã	Công văn số 2361/BTNMT-KHĐT ngày 04/5/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	(1) Nâng cao nhận thức của người sản xuất, chế biến nhãn. (2) Phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các xã trồng nhãn gắn với chế biến trên địa bàn huyện Sông Mã	Tổ chức triển khai trên địa bàn các xã có trồng nhãn gắn với làm nông nhãn trên địa bàn huyện Sông Mã.	Sở Nông nghiệp và PTNT	2021	2000		2.000			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí dự kiến 2022	Kinh phí dự kiến 2023	Ghi chú	
11	Thí điểm mô hình phát triển nông lâm kết hợp gắn với bảo vệ rừng, bảo vệ một số loài động vật, thực vật quý hiếm trên địa bàn tỉnh	Công văn số 2361/BTNMT-KHĐT ngày 04/5/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	(1) Nâng cao nhận thức của người sản xuất trong phát triển nông lâm nghiệp bền vững. (2) Tạo sinh kế cho người dân ở một số vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. (3) Bảo vệ rừng, động vật, thực vật.	Tổ chức triển khai trên địa bàn huyện Văn Hồ, Mường La, Thuận Châu, Bắc Yên.	Sở Nông nghiệp và PTNT	2021 - 2023	3000		1.000	1.000	1.000		
12	Triển khai mô hình xử lý chất thải chăn nuôi trâu bò thành phân bón phục vụ chương trình phát triển nông nghiệp tại huyện Sốp Cộp tỉnh Sơn La	Công văn số 2361/BTNMT-KHĐT ngày 04/5/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Khắc phục giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong nông thôn	Mô hình thu gom xử lý chất thải chăn nuôi trâu bò làm phân bón hữu cơ tại gia đình	Hội nông dân tỉnh	2021-2023	1500		500	1.000			
B	Nhiệm vụ thường xuyên								29372		10288	9562	9522
1	Quan trắc môi trường tỉnh Sơn La hàng năm	Điều 123 Luật BVMT	Đánh giá chất lượng môi trường tỉnh	BC quan trắc môi trường tỉnh được phê duyệt	Trung tâm QTTNMT	2021-2023	8000		2500	2500	3000		
2	Tổ chức điều tra, đánh giá, lập danh sách, giám sát các cơ sở công nghiệp, khu công nghiệp, cụm công nghiệp có khả năng xảy ra sự cố môi trường	điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Điều tra, đánh giá, lập danh sách các cơ sở có khả năng gây ra sự cố môi trường, đề xuất biện pháp xử lý	Báo cáo kết quả điều tra, đánh giá	Sở Công thương	2022	150			150			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí dự kiến 2022	Kinh phí dự kiến 2023	Ghi chú
3	Kiểm tra, giám sát các dự án, khu công nghiệp, cụm công nghiệp tiềm ẩn nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường	điểm n khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Kiểm tra, giám sát các cơ sở có nguy cơ ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường, yêu cầu thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn sự cố môi trường	Báo cáo, kết luận kiểm tra	Sở Công thương	2021-2023	110		50		60	
4	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp Mai Sơn	điểm m khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Kiểm tra giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp	Báo cáo, kết luận kiểm tra	Ban Quản lý các KCN tỉnh	2021	8		8			

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí dự kiến 2022	Kinh phí dự kiến 2023	Ghi chú
5	Kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón hóa học, vật tư dùng trong nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản	Công văn số 2361/BTNMT-KHĐT ngày 04/5/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	(1) Nâng cao nhận thức của người sản xuất, kinh doanh thuốc thú y, bảo vệ thực vật, thuốc thủy sản. (2) Phát hiện, xử phạt kịp thời các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc, vật tư, phân bón dùng trong nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản không đúng theo quy định, gây ảnh hưởng tới môi trường sống.	Thành lập đoàn liên ngành đi kiểm tra, thành phần gồm đại diện của các cơ quan: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Cục Quản lý thị trường, Công an, UBND cấp huyện, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.... Các văn bản liên quan đến kết quả kiểm tra.	Sở Nông nghiệp và PTNT	2021-2023	1200		400	400	400	

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí dự kiến 2022	Kinh phí dự kiến 2023	Ghi chú
6	Thu gom, vận chuyển và xử lý, tiêu hủy vỏ bao gói thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh Sơn La	điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	(1) Nâng cao nhận thức của người sản xuất thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến dưới hình thức: Tập huấn, làm các pa nô, áp phích, xây dựng các chuyên mục trên báo, đài.... (2) Xây dựng các bể chứa thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. (3) Vận chuyển, xử lý, tiêu hủy bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh bảo đảm theo đúng quy định.	(1) Tập huấn, làm các pa nô, áp phích, xây dựng các chuyên mục trên báo, đài.... (2) Xây dựng bể chứa thu gom. (3) Vận chuyển, xử lý, tiêu hủy bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng đã thu gom được bảo đảm theo đúng quy định.	Sở Nông nghiệp và PTNT	2021-2023	9000		3000	3000	3000	
7	Hỗ trợ công tác kiểm tra vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, kiểm tra xác nhận công trình bảo vệ môi trường các dự án được phê duyệt ĐTM, kiểm tra hậu kiểm ĐTM	điểm n khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Kiểm tra vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, kiểm tra xác nhận công trình BVMT của dự án được phê duyệt ĐTM theo yêu cầu của các văn bản của Chính phủ, Bộ TNMT	Kiểm tra 120 dự án đã được phê duyệt báo cáo ĐTM	Sở TNMT	2021-2023	1658		958	400	300	
8	Hỗ trợ phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực BVMT	điểm m khoản 2 Điều 4 Thông tư 27/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Thực hiện lấy mẫu, phân tích mẫu theo yêu cầu của các đoàn thanh tra, kiểm tra	Kết quả phân tích mẫu	Trung tâm QTTNMT	2021-2023	1500		500	500	500	

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí dự kiến 2022	Kinh phí dự kiến 2023	Ghi chú
9	Thực hiện kiểm tra, phòng ngừa, khắc phục các sự cố môi trường, ô nhiễm môi trường...	điểm m khoản 2 Điều 4 Thông tư 27/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Kiểm tra, xác minh khi xảy ra sự cố môi trường, nguy cơ ô nhiễm môi trường	Báo cáo kết quả kiểm tra, đề xuất biện pháp xử lý	Sở TNMT	2021-2023	1000		500	300	200	
10	Tổ chức và thực hiện phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường	Công văn số 2361/BTNMT-KHĐT ngày 04/5/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	Tiến hành quan trắc chất lượng môi trường khu công nghiệp	Báo cáo môi trường Khu công nghiệp	Ban Quản lý các KCN tỉnh	2021-2023	210		70	70	70	
11	Triển khai thu thập, tổng hợp đánh giá bộ chỉ số đánh giá kết quả bảo vệ môi trường tỉnh hàng năm	Khoản 4 mục V Quyết định 2782/QĐ-BTNMT ngày 31/10/2019;	Thực hiện đánh giá thứ hạng kết quả bảo vệ môi trường tỉnh	Báo cáo đánh giá các chỉ số thực hiện mục tiêu kết quả bảo vệ môi trường	Sở TNMT	2021-2023	300		100	100	100	
12	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BVMT											
12.1	Tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường	điểm 1 khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật BVMT tới cán bộ, doanh nghiệp, người dân	Hội nghị tuyên truyền, tin bài trên báo, đài	Sở TNMT	2021-2023	2400		800	800	800	
12.2	Tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường	điểm 1 khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tới các hội viên	Hội nghị	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	2021-2023	1106		322	392	392	
12.3	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BVMT	điểm 1 khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BVMT tới hội viên và người dân	Hội nghị	Hội Nông dân tỉnh	2021-2023	900		300	300	300	

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí dự kiến 2022	Kinh phí dự kiến 2023	Ghi chú
12.4	Tổ chức Hội nghị tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về môi trường cho cán bộ quản lý môi trường, lãnh đạo các cơ sở thuộc lĩnh vực công thương	điểm 1 khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BVMT	Hội nghị tuyên truyền	Sở Công thương	2021-2023	150		50	50	50	
12.5	Thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về giảm sử dụng túi nilon khó phân hủy tại các Trung tâm thương mại, siêu thị, chợ dân sinh	điểm 1 khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Tuyên truyền, in băng zôn, sổ tay... để tuyên truyền	băng zôn, sổ tay tuyên truyền	Sở Công thương	2021-2023	600		200	200	200	
12.6	Tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường	điểm 1 khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Tuyên truyền phổ biến, nâng cao nhận thức về BVMT	Lễ ra quân hưởng ứng ngày lễ về môi trường; tổ chức các cuộc thi, hội nghị tập huấn về môi trường;	Sở VH TT & DL	2021-2023	500		200	150	150	
12.7	Hướng dẫn quy định, trình tự, thủ tục ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản, hỗ trợ tài chính, lãi suất, cho vay vốn... từ Quỹ cho các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với BĐKH	điểm 1 khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Tuyên truyền, phổ biến tới doanh nghiệp, người dân về trình tự, thủ tục, ký quỹ, hỗ trợ tài chính... từ Quỹ BVMT cho các hoạt động BVMT, ứng phó với BĐKH	Tổ chức 5 Hội nghị tuyên truyền, phổ biến	Quỹ BVMT tỉnh	2021-2022	300		150	150		

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Cơ sở pháp lý	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí	Lũy kế đến hết 2020	Kinh phí năm 2021	Kinh phí dự kiến 2022	Kinh phí dự kiến 2023	Ghi chú	
12.8	Tuyên truyền, phổ biến về giảm sử dụng túi ni lông khó phân	điểm 1 khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Giới thiệu biện pháp thay thế sử dụng túi ni lông và tác dụng của biện pháp thay thế thân thiện với môi trường, trong trường học và trung tâm chợ.	Tổ chức 5 Hội nghị tại các chợ, trường học	Quỹ BVMT tỉnh	2021-2022	250		150	100			
12.9	Tuyên truyền về bảo vệ môi trường	điểm 1 khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Tuyên truyền, hưởng ứng các ngày lễ về môi trường	Lắp đặt Pano, treo băng zôn, khẩu hiệu về môi trường	Ban Quản lý các KCN tỉnh	2021	30		30				
C	Hỗ trợ xử lý ô nhiễm môi trường nghiêm trọng							0		0	0	0	
I	Nhiệm vụ chuyển tiếp												
II	Nhiệm vụ mở mới												
D	Hỗ trợ thu gom, xử lý rác							51000		17000	17000	17000	
1	Chi phí quản lý, vận hành Khu xử lý chất thải rắn thành phố Sơn La	điểm k khoản 2 Điều 4 Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017	Duy trì hoạt động xử lý rác thải sinh hoạt của Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt thành phố		Sở Xây dựng	2021-2023	51000		17000	17000	17000		
	Tổng (A+B+C+D)							355.184	8.470	92.471	98.220	51.022	

UBND TỈNH SƠN LA

PHỤ LỤC 4

CHI SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG CẤP HUYỆN 3 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2023*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của UBND tỉnh)**Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Mục tiêu	Nội dung	Dự kiến sản phẩm	Tổng kinh phí đề xuất	Năm 2021 (triệu đồng)	Năm 2022 (triệu đồng)	Năm 2023 (triệu đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11
1	Huyện Mai Sơn	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.	Tập huấn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về MT; hỗ trợ kiểm tra về môi trường, các nhiệm vụ phát sinh...		2.700	900	900	900	
2	Huyện Yên Châu	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.	Hỗ trợ mua sắm thiết bị thu gom rác tại các xã; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về môi trường, hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra, thẩm định về môi trường...		2400	700	800	900	
3	Huyện Quỳnh Nhai	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.	Tập huấn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về MT; hưởng ứng các ngày lễ về môi trường; hỗ trợ kiểm tra về môi trường, các nhiệm vụ phát sinh...		2400	700	800	900	

4	Huyện Sốp Cộp	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.	Hỗ trợ trang thiết bị, phương tiện thu gom rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường khu dân cư và nơi công cộng; hỗ trợ duy trì hệ thống thoát nước đô thị; thực hiện ra quân hưởng ứng tuần lễ quốc gia nước sạch vệ sinh môi trường, ngày môi trường thế giới; lắp biển hiệu tuyên truyền...		2400	700	800	900	
5	Huyện Sông Mã	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.	Thực hiện ra quân hưởng ứng tuần lễ quốc gia nước sạch vệ sinh môi trường, ngày môi trường thế giới; tuyên truyền pháp luật về BVMT; lắp biển hiệu tuyên truyền; hỗ trợ hoạt động thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BVMT, xác nhận KHBVMT; hỗ trợ thiết bị thu gom rác tại khu vực nông thôn		2400	700	800	900	
6	Huyện Vân Hồ	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.	Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về MT, hưởng ứng các ngày lễ về môi trường; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BVMT; xác nhận Kế hoạch BVMT...		2500	700	900	900	
7	Huyện Thuận Châu	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.	Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về MT, hưởng ứng các ngày lễ về môi trường; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BVMT; xác nhận Kế hoạch BVMT...		2500	800	800	900	
8	Huyện Mường La	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.	Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về MT, hưởng ứng các ngày lễ về môi trường; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BVMT; xác nhận Kế hoạch BVMT...		2400	700	800	900	

9	Huyện Mộc Châu	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.	Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về MT, hưởng ứng các ngày lễ về môi trường; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về BVMT; xác nhận Kế hoạch BVMT...		2700	900	900	900	
10	Huyện Bắc Yên	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.	Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về MT; hỗ trợ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải; hỗ trợ trang thiết bị thu gom vận chuyển rác thải; Hỗ trợ hậu kiểm, thanh tra kiểm tra về môi trường...		1050	300	700	50	
11	Thành phố Sơn La	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.	Tuyên truyền phổ biến pháp luật về môi trường, kiểm tra, kiểm soát về môi trường; hưởng ứng các ngày lễ về môi trường...		2700	900	900	900	
12	Huyện Phù Yên	Tăng cường công tác quản lý nhà nước về BVMT cho cấp huyện và cấp xã.	Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, tập huấn về MT; hỗ trợ thiết bị, phương tiện thu gom rác tại nơi công cộng; công tác thanh tra kiểm tra việc chấp hành các quy định về môi trường, hưởng ứng các ngày lễ lớn về môi trường		2150	750	650	750	
TỔNG					28.300	8.750	9.750	9.800	
Tổng kinh phí giao 3 năm cấp huyện							28.300		